



Mỗi Công Trình,  
Một Niềm tin

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013**



Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý

# **NỘI DUNG**

## **00 Thông điệp của Chủ Tịch công ty**

### **01 GIỚI THIỆU CÔNG TY**

- Thông tin khái quát
- Lĩnh vực hoạt động
- Lịch sử hình thành và phát triển
- Những sản phẩm tiêu biểu
- Sơ đồ tổ chức
- Mục tiêu và định hướng tương lai
- Các yếu tố rủi ro

### **13 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Thông tin cổ đông

### **31 BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC**

- Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý
- Kế hoạch phát triển tương lai

### **39 BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- Đánh giá các mặt hoạt động của công ty
- Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc
- Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

### **45 QUẢN TRỊ CÔNG TY**

### **53 BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2013**

# Thông điệp từ Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kính thưa Quý Cổ đông,

Năm 2013 tiếp tục là một năm đầy sóng gió cho các doanh nghiệp Việt Nam với nhiều biến động khó lường của kinh tế thế giới và trong nước. Thị trường bất động sản và xây dựng chưa có dấu hiệu khởi sắc, nợ xấu ngân hàng chưa được xử lý triệt để khiến tín dụng tăng trưởng không cao. Những khó khăn đó đã gây ảnh hưởng tiêu cực đến ngành thép nói chung và Công ty Cổ phần Thép Dana – Ý nói riêng.

Trong hoàn cảnh khó khăn đó, dây chuyền sản xuất mới của Công ty Cổ phần Thép Dana – Ý đã vận hành với công suất cao, doanh thu thuần đạt 2.522 tỷ đồng, tăng trưởng 84% so với năm 2012, tăng gấp 4 lần so với năm 2009. Trong khi nhiều doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh thép phải hoạt động cầm chừng hoặc thu hẹp quy mô, thì việc doanh thu năm 2013 tăng trưởng hơn 107% - mức tăng trưởng vượt trội trong ngành thép xây dựng - là thành công đáng kể của Công ty Cổ phần Thép Dana – Ý, là thành quả của những nỗ lực không ngừng của tập thể CBCNV.

Dây chuyền thép hiện đại đi vào hoạt động đã giúp công ty có được dòng tiền ổn định, mở rộng thị phần, tăng cường hiện diện thương hiệu tại khu vực miền Trung và Tây Nguyên, tạo nền tảng vững chắc cho giai đoạn phát triển sắp tới.

Năm 2014, chúng tôi cho rằng nền kinh tế sẽ tiếp tục gặp nhiều những khó khăn: vấn đề nợ xấu ngân hàng còn tồn đọng, thị trường Xây dựng và Bất động sản chưa khởi sắc và Nhà nước vẫn chưa thống nhất được phương án tối ưu nhằm tái cấu trúc nền kinh tế. Tuy nhiên, Ban lãnh đạo Công ty cùng cán bộ công nhân viên với sự quyết tâm cao độ luôn sẵn sàng chờ đợi những cơ hội mới trong năm 2014. Chúng tôi tin tưởng rằng sẽ có những cơ hội rất lớn dành cho những doanh nghiệp biết nắm bắt thời cơ trong thời gian tới.

Tôi xin chân thành cảm ơn sự tín nhiệm của Quý vị cổ đông trong thời gian qua. Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dana - Ý sẽ cố gắng hoàn thành những chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng Cổ đông giao phó trong năm 2014, nâng cao giá trị của cổ đông, góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và toàn thể CBCNV Công ty, kính chúc Quý cổ đông sức khỏe, hạnh phúc, thành đạt và luôn đồng hành cùng sự phát triển của Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý.

Trân trọng!

Chủ tịch

Huỳnh Văn Tân

# Giới thiệu Công ty



Thông tin khái quát

Lĩnh vực hoạt động

Lịch sử hình thành và phát triển

Những sản phẩm tiêu biểu

Sơ đồ tổ chức

Mục tiêu và định hướng tương lai

Các yếu tố rủi ro



## Thông tin khái quát

Tên công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý
Tên tiếng Anh	DANA – Y STEEL JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	Công ty CP Thép Dana - Ý
Vốn điều lệ	269.995.170.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng chẵn)
Trụ sở chính	Đường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại	0511 3 841 182 – 3 841 000
Fax	0511. 3 730 718
Website	<a href="http://www.thepdana-y.com">http://www.thepdana-y.com</a>
Giấy chứng nhận ĐKKD	Số 0400605391 (số cũ là 3203001911) đăng ký lần đầu ngày ngày 27/02/2008 và đăng ký thay đổi lần 07 ngày 13/03/2014.





## Lĩnh vực hoạt động

Sản xuất các loại thép xây dựng



Sản xuất các loại thép xây dựng



Kinh doanh vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất công nghiệp



Gia công cơ khí



## Lịch sử hình thành và phát triển

**2008**

Tiền thân của Công ty Cổ phần Thép Dana – Ý là một phần của Công ty Cổ phần thép Thành lợi. Năm 2008, Công ty Cổ phần thép Thành Lợi quyết định chuyển cơ sở sản xuất thép số 4 để thành lập Công ty Cổ phần thép Đà Nẵng - Ý.

Tại thời điểm thành lập Công ty có vốn điều lệ là 150 tỷ đồng với sự tham gia góp vốn thành lập của 87 nhà đầu tư tổ chức và cá nhân.

**2010**

Công ty đã trở thành công ty đại chúng và được Ủy Ban chứng khoán nhà nước chấp thuận trở thành Công ty đại chúng kể từ ngày 22/02/2010

Cũng trong năm 2010, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thép Dana – Ý được nâng lên mức 200 tỷ đồng, tạo nền tảng mở rộng quy mô sản xuất, tăng trưởng thị phần.

**2013**

Doanh thu thuần đạt 2.522 tỷ đồng, tăng trưởng 107% so với năm 2012, tăng 300% so với năm 2009.







## Những sản phẩm tiêu biểu

Thép thanh vằn đường kính 12-36 mm



Thép cuộn

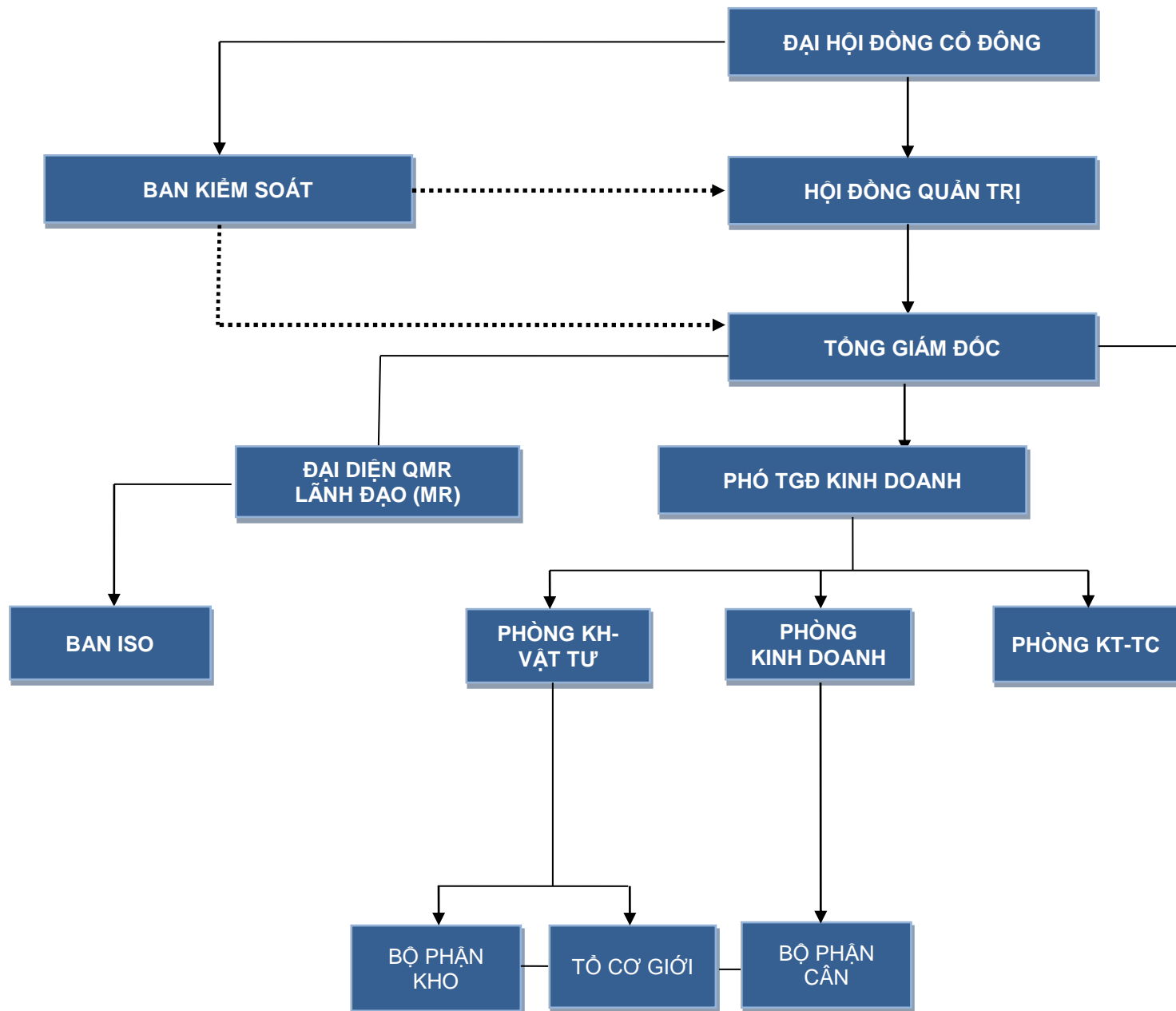


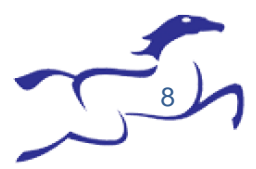
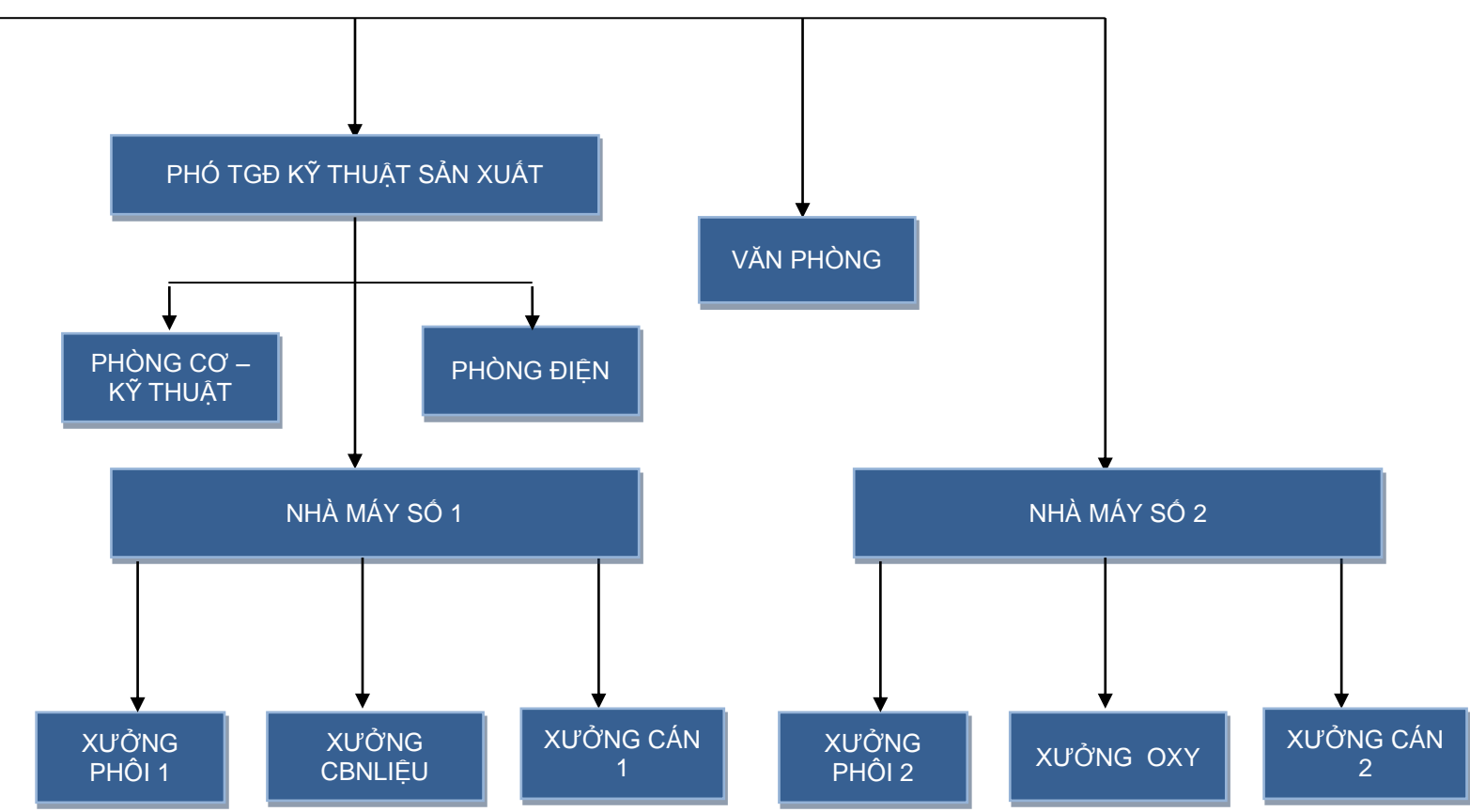


Mỗi công trình, một niềm tin



# Sơ đồ tổ chức









## Tầm nhìn

Hướng tới sự phát triển bền vững, xứng đáng là một trong những công ty thép đầu ngành sản xuất thép tại khu vực miền Trung và Tây Nguyên. Từng bước mở rộng thị trường miền Bắc và miền Nam, tăng cường xuất khẩu nhằm đa dạng hóa thị trường, phòng ngừa rủi ro trước những biến động của nền kinh tế.

## Sứ mệnh

Cung cấp cho thị trường những sản phẩm thép Dana – Ý chất lượng cao, giá cả hợp lý, mang lại giá trị gia tăng cho đối tác. Tạo việc làm ổn định cho người lao động, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân địa phương. Hoàn thành tốt nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước, góp phần xây dựng đất nước giàu mạnh.

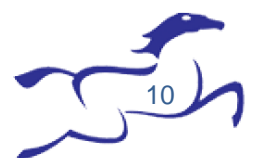




## Giá trị cốt lõi

Chúng tôi cho rằng sự hài lòng và tin tưởng của khách hàng là phần thưởng, là giá trị lớn nhất đối với sự cố gắng nỗ lực không ngừng của chúng tôi trong thời gian qua. Sản phẩm Thép Dana – Ý đã trở thành một phần không thể thiếu trong các Công trình xây dựng.

**Đối với Thép Dana – Ý, mỗi công trình là một niềm tin**





# Các yếu tố rủi ro

## RỦI RO KINH TẾ

Tốc độ tăng trưởng kinh tế ảnh hưởng đến lĩnh vực xây dựng và nhu cầu sử dụng các sản phẩm sắt thép. Khi kinh tế tăng trưởng tốt, nhu cầu về xây dựng tăng và làm tăng nhu cầu thép, tăng doanh thu tạo điều kiện cải thiện lợi nhuận cho các doanh nghiệp ngành thép. Khi nền kinh tế suy thoái, nhu cầu thép sụt giảm, doanh thu và lợi nhuận của các doanh nghiệp thép sụt giảm.

Sự tăng trưởng của nền kinh tế thúc đẩy ngành thép phát triển mạnh với sản lượng thép tăng trưởng bình quân trong giai đoạn 2005 - 2010 đạt 15%/năm.

Trong năm 2012 và 2013, ngành thép gặp nhiều khó khăn do kinh tế tăng trưởng chậm, ngành Xây dựng và Bất động sản chịu ảnh hưởng tiêu cực.

Các doanh nghiệp ngành thép thường có chính sách bán hàng trả chậm đối với một số khách hàng. Một số doanh nghiệp có tỷ trọng các khoản phải thu trong tổng tài sản lớn khiến cho các doanh nghiệp có thể mất vốn vì các đối tác mất khả năng thanh toán.

## RỦI RO LUẬT PHÁP

Việt Nam đang trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế vì vậy pháp luật và các chính sách của Việt Nam luôn luôn thay đổi để phù hợp với thực tiễn, phù hợp với thông lệ quốc tế. Công ty trở thành một tổ chức kinh doanh trong môi trường pháp lý toàn cầu và

buộc phải hoạt động trong môi trường pháp lý quốc tế. Sự thay đổi của chính sách, pháp luật trong và ngoài nước luôn có sự ảnh hưởng và tiềm ẩn nhiều rủi ro tới quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển của Công ty.

Là một Công ty đại chúng, Công ty chịu sự chi phối của đồng thời Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra thì sẽ ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp. Để hạn chế rủi ro này, Công ty phải chủ động nghiên cứu, nắm bắt kịp thời các chủ trương đường lối của Nhà nước, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh cho phù hợp. Để hạn chế rủi ro pháp lý, trong các hoạt động quản lý và kinh doanh, Công ty đều có tham vấn với các luật sư và các công ty cung cấp dịch vụ tư vấn để hạn chế tối đa những rủi ro pháp lý.

## RỦI RO LÃI SUẤT

Trong hoạt động kinh doanh, Công ty sử dụng một lượng vốn vay khá lớn nhằm tài trợ cho các hợp đồng nhập khẩu thép phế liệu và cho dây chuyền luyện cán mới. Với đặc điểm này, Công ty sẽ chịu rủi ro lãi suất biến động. Trong điều kiện hiện nay, tình hình lãi suất phức tạp. Lãi suất cao khiến chi phí lãi vay của công ty





tăng cao, làm giảm hiệu quả hoạt động. Để giảm rủi ro lãi suất, công ty chủ động giảm thiểu nợ ngắn hạn, trong khi vẫn đảm bảo công tác sản xuất kinh doanh.

### **RỦI RO TỶ GIÁ**

Là một doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh thép, do phần lớn nguyên vật liệu đầu vào (thép phế liệu) được nhập khẩu tới 70% trong tổng thép phế của Công ty và Công ty thực hiện các mua dây chuyền tăng công suất nhà máy. Các hợp đồng nhập khẩu đều được thanh toán bằng ngoại tệ và nguồn ngoại tệ Công ty có được thông qua việc vay ngân hàng. Do đó, chi phí và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty có thể chịu những tác động đáng kể do sự biến động tỷ giá hối đoái.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn linh hoạt trong việc tính toán, lựa chọn thời điểm nhập khẩu, tồn trữ hàng hoá hợp lý trong mối tương quan với nhu cầu sản xuất kinh doanh cũng như diễn biến của thị trường thép thế giới. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã có kế hoạch chủ động cân đối nguồn ngoại tệ phục vụ cho nhập khẩu thép phế và thiết bị máy móc. Ngoài ra, Công ty luôn duy trì quan hệ, uy tín tốt với các tổ chức tín dụng lớn nên nguồn vốn vay bằng ngoại tệ luôn được đảm bảo và sử dụng linh hoạt.

### **RỦI RO VỀ CÔNG NGHỆ**

Hiện nay trên thế giới có khá nhiều công nghệ để luyện thép và cán thép. Việc công nghệ thép lạc hậu cũ sẽ dẫn đến chi phí cao giá thành sản phẩm cao dẫn tới khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp bị giảm. Đầu tư công nghệ hợp lý áp dụng những

tiến bộ vào mới vào quy trình luyện cũng như cán sẽ là lợi thế lớn trong môi trường cạnh tranh khốc liệt hiện nay.

Hiện tại với công nghệ của Công ty thép DANA-Ý là một dây chuyền khép kín từ đầu vào là thép phế liệu và đầu ra là thép thành phẩm, nên giá thành cạnh tranh so với các công ty cùng ngành.

### **RỦI RO BIẾN ĐỘNG NGUYÊN LIỆU ĐẦU VÀO**

Đặc thù sản xuất kinh doanh của Công ty có nguyên vật liệu chính là thép phế và điện, than,... vì vậy hoạt động sản xuất kinh doanh và công nghệ của Công ty phụ thuộc rất nhiều vào sự biến động của giá thép phế liệu trên thị trường và giá bán điện của nhà nước. Giá thép phế liệu biến động và phần lớn nhập khẩu từ nước ngoài có độ trễ nhất định về thời gian giao hàng nên sẽ ảnh hưởng tới giá cả tại thời điểm giao hàng. Để hạn chế tối đa rủi ro này, ngoài việc tiết kiệm tối đa chi phí mua hàng, Công ty luôn chủ động trong việc nghiên cứu thị trường để cập nhật tình hình biến động giá, trên cơ sở đó lựa chọn thời điểm ký hợp đồng, thời điểm nhập hàng, tính toán lượng hàng tồn kho và xây dựng chính sách giá cả, chính sách bán hàng hợp lý.

Để hạn chế những rủi ro về biến động giá nguyên, nhiên vật liệu đầu vào của Công ty cần tiến hành các biện pháp tiết kiệm chi phí trong sản xuất kinh doanh để nâng cao cạnh tranh của Công ty và giảm thiểu bớt sự biến động của giá nguyên nhiên vật liệu.



# Tình hình hoạt động trong năm



Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Thông tin cổ đông

## Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Thực hiện 2013	Kế hoạch 2013	Thực hiện 2012	% So với KH 2013	% So với 2012
<b>Tổng tài sản</b>	2.024.508		1.583.996		128%
<b>Doanh thu thuần</b>	2.522.654	3.000.000	1.218.490	84,09%	207%
<b>Lợi nhuận từ HĐKD</b>	17.323		6.391		271%
<b>Lợi nhuận khác</b>	2.696		6.203		43%
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	20.019	100.000	12.594	20,02%	159%
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	15.018	75.000	10.203	20,02%	147%
<b>Nộp Ngân sách</b>	5.001		2.391		209%

Đơn vị: triệu đồng

Năm 2013 tiếp tục là một năm đầy khó khăn và thử thách đối với nền kinh tế Việt Nam. Thị trường Bất động sản chưa có dấu hiệu chuyển biến tích cực nên sản lượng thép tăng trưởng không cao, chỉ ở mức 3%. Giá bán thép xây dựng trong năm 2013 có sự suy giảm đáng kể so với năm 2012 do sự dư thừa công suất trong nước và sự cạnh tranh gay gắt từ thép Trung Quốc.

Do những khó khăn chung của ngành thép, doanh thu của Công ty Cổ phần Thép Dana – Ý không tăng trưởng như dự kiến. Tuy nhiên, kết thúc năm 2013, doanh thu của Công ty đạt 2.522 tỷ đồng, tăng trưởng 107% so với năm 2012. Trong giai đoạn kinh tế gặp khó khăn, doanh thu năm 2013 của Công ty vẫn tăng trưởng xấp xỉ 107%, là mức tăng vượt trội trong ngành thép.

Doanh thu tăng trưởng mạnh do Dây chuyền luyện cán thép mới đi vào hoạt động với công suất cao và thị trường tiêu thụ của Công ty ngày càng mở rộng.

Trong năm 2013, giá bán không cao để phát triển thị trường nên lợi nhuận gộp của Công ty không cao. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến lợi nhuận sau thuế không đạt kế hoạch. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế đạt 15 tỷ đồng, tăng 47% so với năm 2012.

Thị trường chính của Công ty là các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên tiếp tục được duy trì bền vững và tăng trưởng mạnh, bên cạnh đó xuất khẩu bước đầu có những thành quả nhất định, sản phẩm của Công ty đã trở nên quen thuộc trong các công trình xây dựng. Đó nguyên nhân chính giúp doanh thu của Công ty tăng trưởng tốt trong năm 2013.





## Tổ chức và nhân sự

### Giới thiệu Hội đồng Quản trị



#### Ông HUỖNH VĂN TÂN

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1967

Trình độ chuyên môn: Ngành cơ khí

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tính đến ngày 31/12/2012: 5%

Quá trình công tác:

**Từ năm 2007** : Chủ tịch HĐQT CTCP Thép Dana-Ý, TGD CTCP Thép Thành Lợi.

**Từ năm 1991 đến năm 2007** : Chủ tịch HĐQT kiêm TGD CTCP Thép Thành Lợi.

#### Ông ĐẶNG THANH BÌNH

Chức vụ: Phó Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1963

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tính đến ngày 31/12/2012: 5,32%

Quá trình công tác:

**Từ năm 2008** : Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Thép Dana-Ý.

**Từ năm 2007** : Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư Đà Nẵng-miền Trung.

**Từ năm 2005 đến năm 2007** : Chủ tịch HĐQT CTCP Sài Gòn-Đà Nẵng.

**Từ năm 2000 đến năm 2006** : Giám đốc Công ty Phát triển và Khai thác hạ tầng KCN Đà Nẵng.

#### Ông HỒ NGHĨA TÍN

Chức vụ: Thành viên HĐQT (kiêm Tổng Giám đốc)

Năm sinh: 1957

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế tạo máy

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tính đến ngày 31/12/2012: 1,2%

Quá trình công tác:

**Từ năm 2007 đến năm 2008** : Phó trưởng phòng Đào tạo và chuẩn bị sản xuất Ban Quản lý Dự án nhà máy Lọc dầu Dung Quất.

**Từ năm 1992 đến năm 2006** : Quyền Trưởng phòng kỹ thuật, trưởng phòng kế hoạch vật tư, Phó Giám đốc kinh doanh kiêm phó Ban quản lý dự án đầu tư, Tổng Giám đốc Công ty Thép Đà Nẵng - Bí thư Đảng ủy Công ty thép Đà Nẵng.

**Từ năm 1990 đến năm 1992** : Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Lâm sản Xuất khẩu Đà Nẵng

**Từ năm 1982 đến năm 1989** : Cán bộ giảng dạy Đại học Bách Khoa Đà Nẵng, Xưởng trưởng Xưởng Cơ khí trường Đại học Bách Khoa Đà Nẵng.

Thành viên HĐQT Công ty PORTSERCO-DN.





Bà **PHAN THỊ THẢO SƯƠNG**

Ông **PHAN XUÂN THIÊN**

Chức vụ: Thành viên HĐQT (kiêm Phó Tổng Giám đốc)

Năm sinh: 1965

Trình độ chuyên môn: Tài chính Ngân hàng

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tính đến ngày 31/12/2012: 12,25%

Quá trình công tác:

**Từ năm 2008** : Phó TGD CTCP Thép Dana-Ý

**Từ năm 2000** : Công tác tại CTCP Thép Thành Lợi

Chức vụ: Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1967

Trình độ chuyên môn: Kỹ Sư Xây Dựng

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tính đến ngày 31/12/2012:



## Giới thiệu Ban Giám đốc



### Ông **HỒ NGHĨA TÍN**

Chức vụ: Thành viên HĐQT (kiêm Phó Tổng Giám đốc) Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1957

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế tạo máy

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tính đến ngày 31/12/2012: 1,2%

Quá trình công tác:

**Từ năm 2007 đến năm 2008** : Phó trưởng phòng Đào tạo và chuẩn bị sản xuất Ban Quản lý Dự án nhà máy Lọc dầu Dung Quất

**Từ năm 1992 đến năm 2006** : Quyền Trưởng phòng kỹ thuật, trưởng phòng kế hoạch vật tư, Phó Giám đốc kinh doanh kiêm phó Ban quản lý dự án đầu tư, Tổng Giám đốc Công ty Thép Đà Nẵng - Bí thư Đảng ủy Công ty thép Đà Nẵng

**Từ năm 1990 đến năm 1992** : Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Lâm sản Xuất khẩu Đà Nẵng

**Từ năm 1982 đến năm 1989** : Cán bộ giảng dạy Đại học Bách Khoa Đà Nẵng, Xưởng trưởng Xưởng Cơ khí trường Đại học Bách Khoa Đà Nẵng

Thành viên HĐQT Công ty PORTSERCO-DN

### Bà **PHAN THỊ THẢO SƯƠNG**

Chức vụ: Thành viên HĐQT (kiêm Phó Tổng Giám đốc)

Năm sinh: 1965

Trình độ chuyên môn: Tài chính Ngân hàng

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tính đến ngày 31/12/2012: 12,25%

Quá trình công tác:

**Từ năm 2008** : Phó TGD CTCP Thép Dana-Ý

**Từ năm 2000** : Công tác tại CTCP Thép Thành Lợi







## Ông **NGUYỄN VĂN TẤN**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1962

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Luyện kim

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tính đến ngày 31/12/2012: 0,18%

Quá trình công tác:

**Từ năm 2009** : Phó TGD CTCP Thép Dana-Ý

**Từ năm 1985 đến năm 2009** : Làm việc tại CTCP Thép Đà Nẵng

## Bà **TRẦN MAI THỊ BÉ LIỆU**

Chức vụ: Kế toán Trưởng

Năm sinh: 1976

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tính đến ngày 31/12/2012: 0%

Quá trình công tác:

**Từ năm 2008** : Kế toán trưởng CTCP Thép Dana-Ý

**Từ năm 2005 đến năm 2007** : Kế toán trưởng CTCP DANATOL

**Từ năm 2000 đến năm 2005** : Kế toán tổng hợp, Quyền Kế toán trưởng Công ty Công nghiệp tàu thủy Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng.



## Giới thiệu Ban Kiểm soát



### Bà HUỖNH THỊ LOAN

Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1968

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tính đến ngày 31/12/2012: 0,006%

Quá trình công tác:

**Từ năm 1998** :Trưởng BKS CTCP Thép Dana-Ý

**Từ năm 1996** : Kế toán CTCP Đầu tư Thành Lợi

### Bà PHAN THỊ THẢO SƯƠNG

Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1965

Trình độ chuyên môn: Quản trị Kinh doanh

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tính đến ngày 31/12/2012: 0%

Quá trình công tác:

### Ông HUỖNH DUY CƯỜNG

Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1980

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tính đến ngày 31/12/2012: 0%

Quá trình công tác:

**Từ năm 2008** : Thư ký HĐQT CTCP Thép Dana-Ý, thành viên BKS CTCP Thép Dana-Ý

**Từ năm 2002 đến năm 2007** : Nhân viên kế toán CTCP Đầu tư Thành Lợi



## Thống kê lao động

Phân loại lao động	Năm 2012		Năm 2013	
	Số lượng	Tỷ trọng	Số lượng	Tỷ trọng
<b>Theo trình độ</b>	<b>913</b>	<b>100%</b>	<b>1.017</b>	<b>100%</b>
Đại học			1	0,10%
Cao đẳng & Trung cấp	70	7,70%	63	6,19%
Công nhân kỹ thuật	317	34,70%	317	31,17%
Lao động phổ thông	526	57,00%	636	62,54%

Năm 2013, lực lượng lao động của Công ty tăng 11,4% so với năm 2012. Mặc dù tình hình kinh tế gặp nhiều khó khăn khiến nhiều doanh nghiệp cắt giảm lượng nhân công nhưng Dana – Ý vẫn tăng cường lực lượng lao động nhằm phục vụ cho dây chuyền sản xuất mới và đẩy mạnh công tác bán hàng.

Công ty luôn quan tâm đến công tác tuyển dụng, đào tạo nguồn lực chất lượng, đáp ứng được yêu cầu công tác sản xuất và kinh doanh. Số lượng lao động phổ thông tăng 20,9% so với năm 2011.





## Chính sách đối với người lao động

Lực lượng lao động được tuyển dụng công khai, rộng rãi trên cơ sở yêu cầu của công ty, không phân biệt vùng miền và các mối quan hệ; Ưu tiên các ứng viên được đào tạo cơ bản và có kinh nghiệm làm việc trong ngành; Chính sách trả lương, trả thưởng của Công ty gắn liền với năng suất hiệu quả sản xuất chung và mức độ đóng góp của từng vị trí công việc; Công ty luôn khuyến khích người lao động sáng tạo, thi đua, các sáng kiến hữu ích được nhận phần thưởng xứng đáng theo quy chế chung của Công ty. Hằng năm, nhân các ngày lễ lớn, tết truyền thống v.v... người lao động đều nhận được quà thưởng giá trị, các mức thưởng do HĐQT quyết định.



### Chế độ làm việc

Công ty thực hiện chế độ lao động theo Luật Lao động và các quy định của Pháp luật.

Về điều kiện làm việc: văn phòng làm việc, nhà xưởng được thiết kế khang trang, thoáng mát. Lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

### Chính sách lương, thưởng, trợ cấp cho người lao động

Công ty áp dụng cơ chế trả lương tương xứng với mức độ cống hiến và năng lực cạnh tranh của cá nhân. Công ty chi trả cho cán bộ công nhân viên mức cao so với các Công ty khác trong cùng ngành cũng như trong khu vực Thành phố Đà Nẵng, đảm bảo ổn định cuộc sống cho cán bộ công nhân viên.





### Chính sách trợ cấp

Ngoài tiền lương, tiền thưởng, người lao động ở DANA-Ý còn được hưởng các khoản phụ cấp, trợ cấp khác theo lương tùy thuộc vị trí công tác, năng lực làm việc của mỗi người và kết quả hoạt động của Công ty. Các chế độ bảo hiểm như Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm sinh mạng cho người lao động được Công ty thực hiện tốt. Công tác chăm sóc sức khỏe cho người lao động rất được quan tâm.

Ngoài ra, những hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao thường xuyên được tổ chức tại Công ty giúp cho toàn thể cán bộ công nhân viên gắn bó với nhau hơn, góp phần tạo nên bản sắc của DANA-Ý, đồng thời nâng cao kiến thức về văn hóa, kinh tế, chính trị - xã hội ... nhằm xây dựng một tập thể lao động không những giỏi chuyên môn mà còn luôn quan tâm đến xã hội, cộng đồng.

### Chính sách thu hút và đào tạo nguồn nhân lực

Với mức thu nhập khá, môi trường làm việc tốt cùng với các chính sách đãi ngộ khác, DANA-Ý đã và đang thu hút được nguồn nhân lực đông đảo, có trình độ cao. Các thành viên mới được huấn luyện kỹ về chuyên môn và bản sắc DANA-Ý ngay từ những ngày đầu để phù hợp với Văn hóa Công ty.

DANA-Ý xác định: để tiếp tục tồn tại và phát triển trong quá trình hội nhập, trong khi máy móc thiết bị công nghệ gần như giống nhau giữa các doanh nghiệp thì yếu tố tạo nên sự cạnh tranh DANA-Ý xác định: để tiếp tục tồn tại và phát triển trong quá trình hội nhập, trong khi máy móc thiết bị công nghệ gần như giống nhau giữa các doanh nghiệp thì yếu tố tạo nên sự cạnh tranh sẽ là con người. Chính vì thế, Công ty luôn chú trọng đầu tư phong trào học tập cho cán bộ công nhân viên nhằm tiếp cận khoa học, công nghệ và tri thức mới.





## Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

Sau thời gian đầu tư và chạy thử nghiệm thu dây chuyền luyện – cán thép liên tục 200.000 tấn/năm (250.000 tấn phối/năm; 200.000 tấn thép/năm), đầu quý II năm 2013, dây chuyền đã chính thức đưa vào hoạt động. Với việc đưa dây chuyền này chính thức đi vào hoạt động đã đưa Công ty cổ phần thép DANA-Ý trở thành một trong những Công ty sở hữu công nghệ tiên tiến nhất của Việt Nam trong giai đoạn hiện tại với những lợi thế nổi bật:

- Dây chuyền được đầu tư với công nghệ tiên tiến, sản xuất được các loại thép chất lượng cao;
- Có khả năng tích hợp hai công đoạn luyện thép và cán thép, giảm đáng kể tiêu hao nguyên, nhiên, vật liệu;
- Đảm bảo xử lý môi trường khói bụi triệt để;

Nhìn chung đến nay, thương hiệu thép DANA-Ý đã được khẳng định vững chắc cả trên thị trường trong nước cũng như thị trường xuất khẩu.



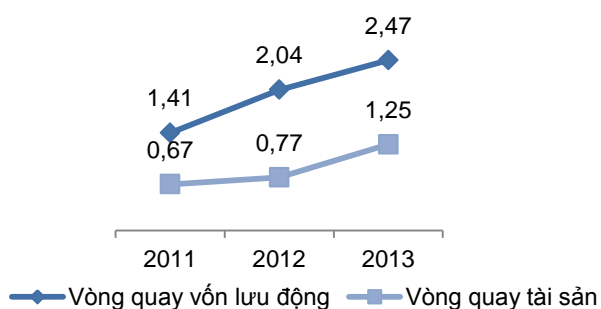
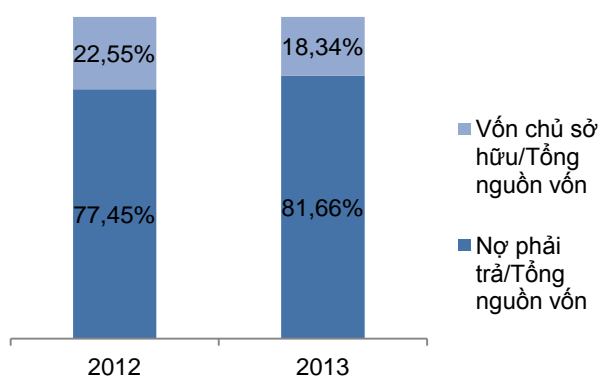
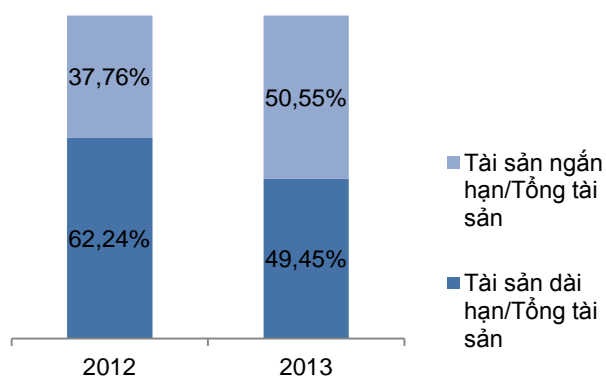


## Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2012	Năm 2013
<b>I</b>	<b>Cơ cấu tài sản</b>			
1	- Tài sản dài hạn/Tổng Tài sản	%	62,24	49,45
2	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	37,76	50,55
<b>II</b>	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
1	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	77,45	81,66
2	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	22,55	18,34
<b>III</b>	<b>Khả năng thanh toán</b>			
1	- Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,25	0,21
2	- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	0,74	1,04
<b>IV</b>	<b>Tỷ suất lợi nhuận (TSLN)</b>			
1	- TSLN sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,65	0,80
2	- TSLN sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,84	0,57
3	- TSLN sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu bình quân	%	2,89	3,97
<b>V</b>	<b>Vòng quay hoạt động</b>			
1	- Vòng quay vốn lưu động	Vòng	2,04	2,46
2	- Vòng quay Tài sản	Vòng	0,77	1,25



## Tình hình tài chính



### Tình hình vốn, tài sản

Cuối năm 2013, tổng tài sản của Công ty Cổ phần Thép Dana – Ý là 2.024 tỷ đồng, tăng 27,8% so với năm 2012. Công ty đã vận hành dây chuyền luyện cán thép mới với công suất cao nên vốn lưu động tăng lên. Tài sản ngắn hạn năm 2013 tăng 71% so với năm 2011, chủ yếu do hàng tồn kho tăng. Công ty chủ động tích trữ nguyên liệu nhằm phục vụ cho nhà máy mới. Do hàng tồn kho tăng nên tỷ trọng giữa tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn năm 2013 gần mức 1:1, cân đối hơn so với năm 2012.

### Cơ cấu nguồn vốn

Năm 2013, vay nợ ngắn hạn tăng 182 tỷ đồng và vay nợ dài hạn tăng 245 tỷ đồng, khiến tổng vay nợ tăng. Lý do vì các khoản phải trả người bán, trong đó chủ yếu là phải trả các nhà cung cấp thép phế liệu tăng lên đột biến. Vốn chủ sở hữu cuối năm 2013 đạt 371,2 tỷ đồng, tăng 14 tỷ đồng so với năm 2012. Nợ chiếm tỷ trọng cao hơn trong tổng nguồn vốn nhưng khoản nợ tăng lên chủ yếu đến từ các khoản phải trả người bán, không gây rủi ro cho Công ty.

### Vòng quay hoạt động

Doanh thu thuần năm 2013 đạt 2.523 tỷ đồng tăng 7% so với năm 2012. Doanh thu tăng do dây chuyền sản xuất mới hoạt động với công suất cao và công ty đẩy mạnh công tác bán hàng tại các thị trường hiện tại và xuất khẩu.

Mức độ sử dụng tài sản và nguồn vốn của công ty được cải thiện đáng kể thể hiện qua các chỉ số vòng quay tổng tài sản và vòng quay vốn chủ sở hữu năm 2013 tăng đáng kể so với năm 2012.



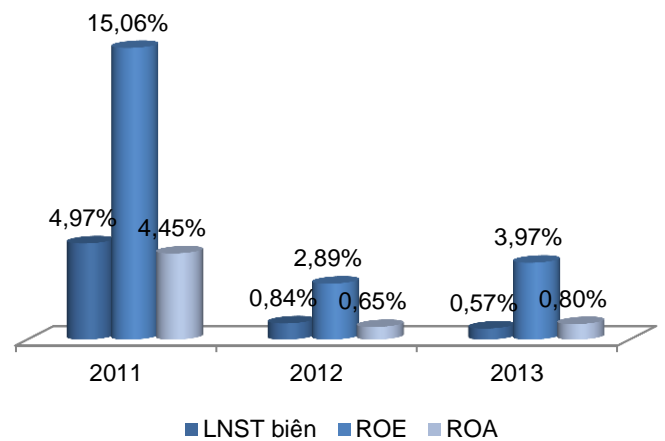
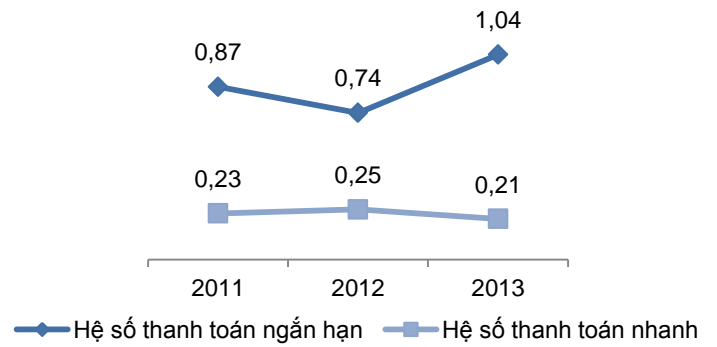
### Khả năng thanh toán

Khả năng thanh toán nhanh toán của Công ty năm 2013 giảm so với năm 2012 do hàng tồn kho chiếm tỷ trọng lớn trong tài sản ngắn hạn. Khả năng thanh toán hiện hành được cải thiện do công ty không có các khoản đầu tư xây dựng tài sản cố định, trong khi đó tài sản lưu động tăng lên nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh được thông suốt khi dây chuyền luyện cán thép mới hoạt động với công suất cao. Hàng tồn kho tại thời điểm cuối năm 2013 là 819,6 tỷ đồng, tăng 108% so với năm 2012.

### Tỷ suất lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2013 đạt 14,5 tỷ đồng, tăng 41,63% so với năm 2012. Tỷ suất lợi nhuận gộp giảm nhưng doanh thu tăng mạnh là nguyên nhân chính giúp lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng trưởng so với cùng kỳ.

Lợi nhuận sau thuế tăng nên các chỉ số tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản và vốn chủ sở hữu tăng. Trong bối cảnh nền kinh tế gặp nhiều khó khăn, thị trường xây dựng và bất động sản không khởi sắc Công ty Cổ phần Thép Dana – Ý có được doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng là điều đáng khích lệ.





## Thông tin cổ đông

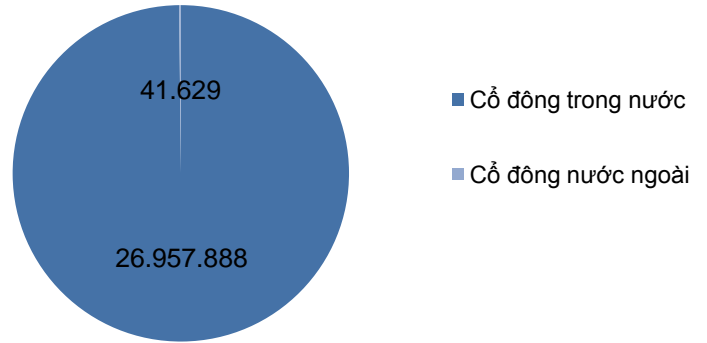
### Cổ phần

Tổng số cổ phần phát hành: 26.999.517 cổ phần

Loại cổ phần: cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần

### Cơ cấu cổ đông



### Cơ cấu cổ đông

STT	Danh mục	Số cổ phần	Tỷ lệ	Số lượng cổ đông
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>26.957.888</b>	<b>99,85%</b>	<b>540</b>
	Cá nhân	16.088.525	59,59%	514
	Tổ chức	10.869.363	40,26%	26
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>41.629</b>	<b>0,15%</b>	<b>6</b>
	Cá nhân	6.935	0,03%	5
	Tổ chức	34.694	0,13%	1
<b>Tổng cộng</b>		<b>26.999.517</b>	<b>100%</b>	<b>546</b>



## Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm, Công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 130/2013/NQHĐQT ngày 30 tháng 6 năm 2013 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013.

Thông tin về đợt phát hành như sau:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần thép DANA-Ý.
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số cổ phần đã phát hành: 6.999.517 cổ phần
- Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/tổng số cổ phiếu): 35% (trong đó: phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: 18,58755%; phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2011 và 2012: 16,41245%).
- Nguồn vốn: Thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.
- Ngày chốt danh sách cổ đông: 12/12/2013
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

**Giao dịch cổ phiếu quỹ:** không có



# Báo cáo Ban Giám đốc



Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và  
chính sách quản lý

Kế hoạch phát triển tương lai



## Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Thực hiện 2013	Kế hoạch 2013	Thực hiện 2012	% So với KH 2013	% So với 2012
<b>Tổng tài sản</b>	2.024.127		1.583.996		127,79%
<b>Doanh thu thuần</b>	2.522.349	3.000.000	1.218.490	84,08%	207,01%
<b>Lợi nhuận từ HĐKD</b>	16.223		6.391		253,84%
<b>Lợi nhuận khác</b>	3.157		6.203		50,90%
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	19.381	100.000	12.594	19,38%	153,88%
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	14.451	75.000	10.203	19,27%	141,63%
<b>Nộp Ngân sách</b>	5.001		2.391		209,16%

Đơn vị: triệu đồng

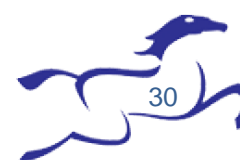
## Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh

Thị trường bất động sản và xây dựng không khởi sắc, nhu cầu thép không tăng trưởng như mong đợi nên doanh thu năm 2013 của Công ty không kế hoạch 3.000 tỷ đồng do Đại Hội đồng Cổ đông đề ra. Tuy nhiên, doanh thu của Công ty năm 2013 vẫn tăng trưởng 107% so với năm 2012, là một thành công đáng kể.

Công ty chủ động huy động vốn dài hạn từ các thành viên Hội đồng Quản trị đảm bảo tài chính cho hoạt động sản xuất và đầu tư nên chi phí lãi vay không tăng. Việc đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh và triển khai dây chuyền luyện cán thép 250.000 tấn/năm vận hành thông suốt mang lại dòng tiền ổn định là một trong những thành công của Công ty năm 2013.

Doanh thu tăng trưởng cao tuy nhiên giá cả nguyên vật liệu đầu vào, chi phí năng lượng và nhân công tăng cao, trong khi giá bán thép giảm khiến tỷ suất lợi nhuận gộp của công ty suy giảm so với năm 2012. Doanh thu tăng 107% là mức tăng rất lớn nên chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng lên tương ứng.

Tỷ suất lợi nhuận gộp giảm, các khoản chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng lên là những nguyên nhân khiến lợi nhuận sau thuế không đạt kế hoạch. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế năm 2013 đạt 14,5 tỷ đồng, tăng 42% so với năm 2012.

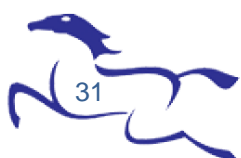


## Sản xuất, tiêu thụ

Với sản lượng sản xuất đạt được trong năm 2013, gần như sản phẩm của Công ty được tiêu thụ ngay trong tháng và phục vụ các đơn hàng xuất khẩu. Trong năm 2013, tình hình thị trường trong nước tiếp tục diễn biến xấu, do đó Công ty tiếp tục duy trì sản xuất phôi thép để xuất khẩu. Quý I năm 2013, thị trường tiêu thụ trong nước đã khởi sắc trở lại, thép thành phẩm sản xuất ra đều được tiêu thụ hết. Đồng thời, Công ty cũng đã ký các đơn hàng xuất khẩu phôi thép đến hết quý I năm 2013.

Song song với kế hoạch xuất khẩu phôi thép, Công ty cũng đã ký hợp đồng hợp tác chiến lược với Công ty sản xuất thép Úc (SSE), sử dụng Nhân hiệu SSE để sản xuất thép thành phẩm từ chính sản phẩm Phôi của Công ty. Dự kiến, riêng Nhân hiệu SSE, doanh số tiêu thụ hàng tháng theo địa bàn Công ty ký hợp đồng hợp tác bình quân 5.000 tấn/tháng.

Với chất lượng phôi thép và chủng loại sản phẩm đa dạng như hiện nay, Công ty tự tin khẳng định sẽ đảm bảo được đầu ra cho sản phẩm của mình.



## Thị trường đầu vào, đầu ra

**Thị trường đầu vào:** Nguồn nguyên liệu đầu vào chính của Công ty là phế liệu. Năm 2013, Công ty nhập khẩu và thu mua trong nước với tổng số lượng hơn 276.000 tấn phế liệu, trong đó số lượng nhập khẩu hơn 236.000 tấn, chủ yếu nhập khẩu từ các nhà cung ứng lâu năm của Công ty như:

<b>ASIA STEE:</b>	5.000
<b>CAGILL:</b>	9.000
<b>STAMCORP:</b>	30.000
<b>ITOCHU:</b>	10.000
<b>STEMCORS:</b>	8.000
<b>THC_HOLDING:</b>	20.000
<b>TOYOTA TSUSHO:</b>	5.000
<b>TOYOSHU MATERIAL:</b>	18.000
<b>WELL HUNTMATERIAL:</b>	20.000
<b>THÀNH LỢI (Nhập khẩu ủy thác):</b>	50.000
<b>KIM KHÍ MIỀN TRUNG ( Nhập khẩu ủy thác):</b>	45.000
<b>Và khai thác thêm từ một số nguồn cung cấp khác.</b>	

**Đơn vị: MT/Năm**

Với uy tín của Công ty từ các năm trước, các đối tác cung ứng phế liệu lâu năm của Công ty có chính sách bán hàng đối với Công ty rất tốt. Trong năm 2013, nhờ chính sách mua hàng thanh toán chậm từ 3 đến 6 tháng nên Công ty đã tạm thời cân đối được vốn lưu động thiếu hụt do hạn mức vốn lưu động ít hơn so với nhu cầu.

Đồng thời, Công ty cũng tiến hành ký một số Hợp đồng nguyên tắc mua các loại phụ gia, vật liệu phụ với các nhà cung cấp lớn trong nước như : DNTN Trung Thành, Công ty TNHH Đức Quốc, Công ty TNHH Nhất Trí Thành, Công ty vật liệu chịu lửa Nam Ưng, XN Than Đà Nẵng, Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Nam,... để ổn định nguồn cung, đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất kinh doanh và đảm bảo sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

### Thị trường đầu ra:

Công ty tiếp tục duy trì kế hoạch tiêu thụ trong nước kết hợp xuất khẩu phôi thép.

Đối với thép thành phẩm, Công ty tiếp tục duy trì phương thức bán hàng qua đại lý. Đối với thành phẩm phôi, Công ty chủ động ký kết hợp đồng mua bán với các đối tác chiến lược với số lượng bán 10.000 tấn/tháng.

Với chất lượng phôi thép và chủng loại sản phẩm đa dạng như hiện nay, Công ty tự tin khẳng định sẽ đảm bảo được đầu ra cho sản phẩm của mình.





## Tình hình tài chính

	Năm 2013	Năm 2012
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>1.023.564</b>	<b>598.137</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.402	8.677
Các khoản phải thu ngắn hạn	187.542	190.145
Hàng tồn kho	819.554	393.224
Tài sản ngắn hạn khác	3.066	6.091
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>1.000.944</b>	<b>985.858</b>
Tài sản cố định	988.535	983.073
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.600	1.600
Tài sản dài hạn khác	10.809	1.185
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>2.024.508</b>	<b>1.583.996</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>1.652.762</b>	<b>1.226.763</b>
Nợ ngắn hạn	986.159	804.793
Nợ dài hạn	666.604	421.971
<b>NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>371.746</b>	<b>357.233</b>
Vốn chủ sở hữu	371.746	357.233
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>2.024.508</b>	<b>1.583.996</b>

Đơn vị: triệu đồng

Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2013 là 2.024,5 tỷ đồng, tăng 440,5 tỷ đồng so với thời điểm ngày 31/12/2012. Cơ cấu tài sản có sự thay đổi chủ yếu tại khoản mục hàng tồn kho. Trong năm 2013, dây chuyền luyện cán thép hiện đại đi vào hoạt động, Công ty chủ động duy trì lượng thép phế liệu lớn nhằm đảm bảo cho dây chuyền hoạt động với công suất lớn. Vì vậy, tỷ trọng tài sản ngắn hạn trong tổng tài sản là 51%, tăng nhiều với mức 37,7% của năm 2012. Tài sản ngắn hạn tăng khiến nhu cầu vốn ngắn hạn tăng,

nhưng chi phí lãi vay không tăng do công ty có được sự hỗ trợ vay vốn ưu đãi từ các cổ đông sáng lập. Hàng tồn kho tăng, tài sản ngắn hạn tăng nhưng với doanh thu cao và lượng tiền mặt luân chuyển tốt giúp Công ty luôn đảm bảo được nghĩa vụ đối trả nợ, trở thành đối tác tin cậy của các tổ chức tín dụng trong quá trình hoạt động.

Việc đầu tư hoàn thiện dây chuyền cán thép số 2 là nền tảng cơ bản vững chắc để Công ty mở rộng thị trường, nâng cao thị phần, thực hiện chiến lược kinh doanh trong giai đoạn sắp tới.



## Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý

Nhận thức tầm quan trọng của việc tổ chức và quản trị công ty là yếu tố then chốt trong việc nâng cao kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty Cổ phần Thép Dana – Ý luôn nỗ lực quản trị công ty một cách hiệu quả, cụ thể tập:

Lĩnh vực tiêu thụ sản phẩm được điều hành theo cơ chế linh hoạt đáp ứng kịp với những biến động của thị trường, địa bàn tiêu thụ mở rộng, các đối tượng khách hàng đa dạng, thực hiện nghiêm túc thường xuyên khẩu hiệu “vì quyền lợi khách hàng” - thường xuyên giữ liên lạc với khách hàng, tiếp thu những ý kiến góp ý của khách hàng và có biện pháp khắc phục kịp thời.

Điều hành sản xuất có những bước chuyển biến đáng kể trên cơ sở tăng cường kiểm soát các khâu phục vụ sản xuất, đặc biệt là công tác cung ứng vật tư, bảo dưỡng thiết bị đảm bảo dây chuyền hoạt động ổn định với khả năng cao nhất.

Song song với việc duy trì sản xuất, kinh doanh ổn định, Công ty tập trung giải quyết những vấn đề cốt lõi hướng đến hoạt động bền vững:

Đưa nhà máy Luyện - Cán thép 250.000 tấn/năm vào hoạt động sản xuất ổn định.

Xây dựng ổn định bộ máy tổ chức cho quy mô hoạt động mới với công suất 400.000 tấn/năm.

Hoàn thành các quy trình, quy phạm vận hành nhà máy Luyện – Cán thép 250.000 tấn/năm.

Sản xuất và triển khai ra thị trường thành công các sản phẩm mới thép thanh vằn  $\Phi 10 \div \Phi 25$ , được người tiêu dùng đánh giá cao.

Với kết quả đạt được, thép DANA-Ý khẳng định đủ sức mạnh cạnh tranh trong giai đoạn 5 năm sắp tới.



## Tình hình tài chính

Dự báo tình hình kinh tế thế giới có những khởi sắc trong năm 2014, tăng trưởng toàn cầu về cơ bản đang trên đà phục hồi, dù còn tiềm ẩn nhiều yếu tố rủi ro và chưa vững chắc. Theo đó, tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2014 được dự đoán có nhiều khả năng sẽ hồi phục nhưng sẽ thiếu bền vững do những tồn tại mang tính cơ cấu của nền kinh tế chưa được giải quyết, như yếu kém về cơ sở hạ tầng, chất lượng nguồn nhân lực thấp, ngành công nghiệp hỗ trợ chưa phát triển, bất cập tồn tại trong hệ thống luật pháp, chính sách... Năm 2014 cũng tiềm ẩn nhiều nguy cơ lạm phát cao do tác động trễ của những chính sách tháo gỡ khó khăn sản xuất kinh doanh năm 2013.

Trước tình hình đó DANA-Ý chủ trương xây dựng phương án Sản xuất an toàn - đầu tư vững chắc – hướng tới tương lai. Không đặt nặng lợi nhuận trước mắt DANA-Ý hướng tới chiến lược

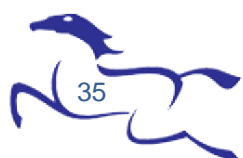
nâng cao nội lực tăng cường khả năng cạnh tranh đón đầu cơ hội với quyết tâm đổi mới toàn diện mà trọng tâm là:Kiện toàn bộ máy, nâng cao năng lực điều hành và trình độ nghiệp vụ của Công nhân viên tiếp thu, làm chủ phương pháp quản lý và công nghệ hiện đại tiết kiệm chi phí giảm giá thành ngay từ khâu tổ chức điều hành.

Đầu tư nâng cấp dây chuyền sản xuất hiện tại theo hướng tự động hóa nhằm tận dụng tối đa nguồn lực trong sản xuất, tiếp tục đầu tư công nghệ hiện đại đón đầu xu thế mới.

Tận dụng thời cơ phát triển thị trường bền vững xây dựng mạng lưới các nhà phân phối và các đối tác tin cậy. Công ty nhận thấy tình hình thị trường năm 2014 sẽ còn nhiều khó khăn và diễn biến phức tạp. Tuy nhiên, với năng lực sản xuất tăng mạnh trong năm 2014, chỉ tiêu doanh thu và chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế được xây dựng như sau:

### Dây chuyền sản xuất số 1

TT	Hạng mục	ĐVT	Năm 2014
<b>I</b>	<b>Sản lượng sản xuất</b>		
1	Phôi thép 1	Tấn	130.000
2	Thép cán 1	Tấn	60.000
<b>II</b>	<b>Số lượng sản phẩm bán</b>		
1	Phôi thép 1	Tấn	67.000
2	Thép cán 1	Tấn	60.000
<b>III</b>	<b>Doanh thu (chưa VAT)</b>	<b>Nghìn</b>	<b>1.481.000.000</b>
1	Phôi thép 1 (giá bán 11.0 triệu đồng/tấn)	Nghìn	737.000.000
2	Thép cán 1 (giá bán 12.4 triệu đồng/tấn)	Nghìn	744.000.000





## Dây chuyền sản xuất số 2

TT	Hạng mục	ĐVT	Năm 2014
<b>I</b>	<b>Sản lượng</b>		
1	Phôi thép 2	Tấn	170.000
2	Thép cán 2	Tấn	100.000
<b>II</b>	<b>Số lượng sản phẩm bán</b>		
1	Phôi thép 2	Tấn	67.000
2	Thép cán 2	Tấn	100.000
<b>III</b>	<b>Doanh thu (chưa VAT)</b>	<b>Ngàn</b>	<b>1.977.000.000</b>
1	Phôi thép 2 (giá bán 11.0 triệu đồng/tấn)	Ngàn	737.000.000
2	Thép cán 2 (giá bán 12.4 triệu đồng/tấn)	Ngàn	1.240.000.000

## Kế hoạch vay vốn, trả gốc, lãi vay và tài sản đảm bảo trong năm 2014:

### Kế hoạch vay vốn:

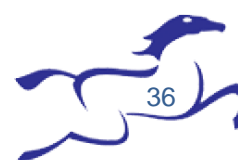
- Tổng chi phí: 3.409.973.000 nghìn đồng;
- Tổng nhu cầu vốn bình quân trong kỳ: 1.418.565.526 nghìn đồng;
- Vốn tự có: 118.565.526 nghìn đồng;
- Vốn vay Ngân hàng: 1.300.000.000 nghìn đồng;

### Tài sản đảm bảo:

Tài sản là nhà xưởng, máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất và nguyên liệu chính, thành phẩm tại kho Công ty hiện đang thế chấp theo các Hợp đồng tín dụng hiện hành.

### Nguồn trả nợ cho Ngân hàng:

Từ doanh thu.



# Báo cáo

# Hội đồng Quản trị



Đánh giá các mặt hoạt động của công ty

Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc

Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

# Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

## Những chỉ tiêu hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	Thực hiện 2013	Kế hoạch 2013	Thực hiện 2012	% So với KH 2013	% So với 2012
Tổng tài sản	2.024.127		1.583.996		128%
Doanh thu thuần	2.522.349	3.000.000	1.218.490	84,09%	207%
Lợi nhuận từ HĐKD	16.223		6.391		271%
Lợi nhuận khác	3.157		6.203		43%
Lợi nhuận trước thuế	19.381	100.000	12.594	20,02%	159%
Lợi nhuận sau thuế	14.451	75.000	10.203	20,02%	147%
Nộp Ngân sách	5.001		2.391		209%

Đơn vị: triệu đồng

Năm 2013 là năm thứ 6 Nền kinh tế Việt Nam rơi vào trì trệ, tăng trưởng dưới tiềm năng, đây cũng là giai đoạn bất ổn kinh tế vĩ mô kéo dài nhất tính từ đầu thập niên 1990 đến nay. Ngay từ đầu năm các chuyên gia đã nhận định kinh tế năm 2013 đối diện với nguy cơ lạm phát cao, nợ xấu chưa được cải thiện nên dòng tín dụng vẫn bị tắc nghẽn, nền kinh tế không hấp thu được vốn, tình trạng thừa tiền thiếu vốn kéo dài, khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp khó khăn nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ; Khả năng kéo giảm lãi suất cho vay không nhiều nhất là lãi suất trung và dài hạn, không kích thích được doanh nghiệp đầu tư phát triển.

Khó khăn của kinh tế vĩ mô tác động trực tiếp đến ngành sản xuất thép nói chung và DANA-Ý nói riêng, biểu hiện cụ thể là: Sản lượng tiêu thụ toàn ngành sụt giảm do thị trường bất động sản đình trệ, các dự án lớn bị cắt giảm, đầu tư nước ngoài đình trệ. Các đơn vị trong toàn ngành gặp khó

khăn, nhiều đơn vị lỗ vốn lớn phải hoạt động cầm chừng hoặc ngưng hoạt động; các đơn vị đua nhau giảm giá nhưng vẫn không tiêu thụ được do cạnh tranh gay gắt trong bối cảnh mất cân đối giữa năng lực sản xuất và nhu cầu tiêu thụ cộng với áp lực của hàng giá rẻ nhập khẩu.

Tuy nhiên, với sự quan tâm sát sao của Hội đồng quản trị, toàn thể lãnh đạo và CBCNV, Công ty đã cắt giảm và tiết kiệm tối đa chi phí, song vẫn đảm bảo chất lượng đầu ra của sản phẩm để cạnh tranh với nguồn sản phẩm phẩm giá thấp. Vì vậy, sản lượng sản xuất và doanh thu trong năm 2013 cũng xấp xỉ đạt chỉ tiêu kế hoạch, đảm bảo thu nhập và đời sống cho CBCNV, nguồn vốn quay vòng tốt.

Thị trường chính của Công ty Cổ phần Thép Dana – Ý là các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên được duy trì bền vững và tăng trưởng tốt. Bên cạnh đó, xuất khẩu được đẩy mạnh đáng kể. Đó nguyên nhân chính giúp doanh thu của Công ty tăng trưởng tốt trong năm 2013.





## Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc

Năm 2013 là năm đặc biệt khó khăn đối với nền kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đã thể hiện được năng lực khi có doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng so với năm 2012.

Với những vị thế được khẳng định cùng với công nghệ sản xuất thép hiện đại hàng đầu Việt Nam, Ban Giám đốc đã đưa Công ty Cổ phần Thép Dana – Ý mở rộng thị phần có những bước tiến đáng tự hào trong năm 2013.

Ban Giám đốc đã thực hiện đúng theo tinh thần các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại Hội đồng cổ đông. Vượt qua nhiều khó khăn thách thức trong năm 2013, Ban Giám đốc đã thể hiện được năng lực tốt khi kinh doanh có lợi nhuận và doanh thu tăng trưởng cao trong ngành thép xây dựng.

Hội đồng Quản trị nhận thấy, Công ty không đạt chỉ tiêu tăng trưởng cao trong ngành thép xây dựng. Hội đồng Quản trị nhận thấy, Công ty không đạt chỉ tiêu tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận là do những nguyên nhân khách quan. Bên cạnh đó, dây chuyền sản xuất mới đi vào hoạt động, chi phí khấu hao lớn nên lợi nhuận không cao.

Trong khi nhiều doanh nghiệp ngành thép xây dựng ngừng hoạt động hoặc hoạt động cầm chừng, thu hẹp quy mô, Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý vẫn có doanh thu tăng trưởng 107%, cao vượt trội so với ngành. Đây là một thành công đáng ghi nhận của của Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý, trong đó có sự đóng góp đáng ghi nhận của Ban Giám đốc.





## Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

Với DANA-Ý, giai đoạn 6 năm qua là giai đoạn kinh tế VN chìm trong trì trệ, giai đoạn kinh tế vĩ mô bất ổn kéo dài nhất kể từ những năm đầu thập kỷ 1990 đến nay, nhiều công ty trong ngành thép gặp khó khăn chịu thua lỗ nặng, nhiều công ty phải ngừng sản xuất hoặc giảm sản lượng nhưng dana-ý với chủ trương đúng đắn, linh hoạt của Hội đồng quản trị, sự sáng tạo của lực lượng cán bộ, kỹ sư, sự lao động quên mình của tập thể người lao động Công ty đã đứng vững và không ngừng phát triển, sản lượng, doanh thu tăng dần theo từng năm, hạ tầng ngày càng hoàn thiện, kỹ năng quản lý, khai thác vận hành ngày càng thành thạo. DANA-Ý đã được tôi luyện trong hoàn cảnh khó khăn trở nên vững vàng sẵn sàng đón nhận mọi thử thách.





## Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

**Xét về môi trường kinh doanh, hiện DANA-Ý đang có những lợi thế so sánh lớn:**

- DANA\_Ý là công ty có năng lực mạnh nhất tại khu vực Miền trung – Tây nguyên trên tất cả các mặt: Công suất lớn nhất; mặt hàng đa dạng nhất từ sản xuất phôi thép đến sản phẩm thép xây dựng đủ chủng loại; Công nghệ chuyên môn hóa cao nhất: Mỗi loại hình được sản xuất trên dây chuyền độc lập có khả năng tự động hóa cao; tính linh hoạt cao nhất: sẵn sàng sản xuất bất cứ chủng loại hàng nào khi có nhu cầu và cùng lúc có thể sản xuất nhiều chủng loại khác nhau trên các dây chuyền khác nhau; thương hiệu nổi tiếng và phổ biến nhất khu vực được khách hàng trong và ngoài nước đánh giá cao.
- Đối với các nhà sản xuất có khả năng tương đương: DANA-Ý có lợi thế hơn hẳn về địa lý, thị trường của DANA-Ý tập trung tại khu vực đặt nhà máy sản xuất, chi phí vận chuyển và chi phí dịch vụ bán hàng thấp khả năng cạnh tranh vượt trội so với các đơn vị khác.

Nhận thức rõ tiềm năng và cơ hội mới nên DANA-Ý đã đặt mục tiêu chiến lược hướng ướng tới sự phát triển bền vững, xứng đáng là một trong những công ty đi đầu ngành sản xuất thép tại khu vực, năm 2014 và những năm tới công ty tiếp tục tập trung nguồn lực thực hiện các chỉ tiêu :

- Hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2014.
- Tiếp tục vận hành an toàn và khai thác hiệu quả, từng bước hiện đại hóa trang thiết bị và dây chuyền công nghệ hiện có.

- Tập trung đầu tư nhà máy cán thép số 3 chuyên môn hóa sản xuất thép dây, áp dụng các giải pháp tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nguyên vật liệu giảm giá thành sản phẩm.
- Tăng cường công tác marketing, nghiên cứu phát triển thị trường, nghiên cứu, phát triển sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng, đạt chất lượng cam kết.
- Duy trì và phát triển các mối hợp tác, liên kết với các đơn vị sản xuất tiềm năng đặc biệt là Công ty SSE.
- Đáp ứng đầy đủ, kịp thời yêu cầu của khách hàng, không để xảy ra khiếu nại của khách hàng, giải quyết thỏa đáng các khiếu nại của khách hàng (nếu có), đáp ứng sự hài lòng của khách hàng.
- Bảo đảm tuyệt đối an toàn, không để xảy ra các tai nạn lớn, sự cố cháy nổ.
- Duy trì và tiêu chuẩn hóa môi trường và văn hóa làm việc chuyên nghiệp trong Công ty.
- Phấn đấu nâng cao thu nhập và đời sống vật chất tinh thần cho người lao động, góp phần thực hiện công tác an sinh xã hội do Chính phủ và Thành phố phát động.



### Các năm tiếp theo

- Kiên trì mục tiêu phát triển kinh doanh trên ngành nghề cốt lõi (ngành thép), phấn đấu tăng doanh thu tối thiểu 20% trong các năm 2014 đến năm 2015.
- Huy động tối đa các nguồn vốn vay và tích lũy, hạn chế tối đa việc huy động vốn trên thị trường chứng khoán trong thời điểm thị trường không thuận lợi, bảo đảm giá trị cổ phiếu của cổ đông.
- Ổn định tỷ lệ cổ tức hàng năm  $\geq 10\%$  (tỷ lệ cụ thể do Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định).
- Liên tục củng cố và phát triển thị trường tiêu thụ, tham gia xuất khẩu, mở rộng hệ thống phân phối.

- Thường xuyên cập nhật và nghiên cứu, áp dụng công nghệ mới, công nghệ ít tiêu tốn năng lượng, nâng cao công suất, giảm tiêu hao,... giữ vững vị trí nhà sản xuất kinh doanh thép số 1 tại khu vực miền Trung và Tây Nguyên.

Với đội ngũ CBCNV vững lập trường, giỏi chuyên môn đã được sàng lọc và thử thách qua nhiều năm cùng với sự quan tâm chỉ đạo hỗ trợ đặc biệt của Đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp trong thành phố Đà Nẵng, Công ty cổ phần thép DANA-Ý sẵn sàng vươn lên trong thử thách. Nhận thức rõ tiềm năng và cơ hội mới nên DANA-Ý đã đặt mục tiêu chiến lược như sau:

TT	Hạng mục	ĐVT	Năm 2014
I	Tổng doanh thu	Nghìn	3.458.000.000
1	<i>Dây chuyền số 1</i>		1.481.000.000
2	<i>Dây chuyền số 2</i>		1.977.000.000
II	Tổng chi phí	Nghìn	3.409.973.000
1	Giá vốn	Nghìn	3.244.087.000
1.1	<i>Dây chuyền số 1</i>		1.398.390.000
1.2	<i>Dây chuyền số 2</i>		1.845.697.000
2	Chi phí bán hàng và QLDN	Nghìn	24.027.000
3	Chi phí lãi vay vốn lưu động và lãi vay đầu tư	Nghìn	141.859.000
III	Tổng Lợi nhuận trước thuế	Nghìn	48.027.000
IV	Thuế TNDN (Thuế suất 22%)	Nghìn	10.566.000
V	Tổng Lợi nhuận sau thuế	Nghìn	37.461.000



# Quản trị Công ty



Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT,  
Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

## Hội đồng quản trị

### Giới thiệu Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty hoạt động theo đúng Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty và Luật Doanh nghiệp. Năm 2013, Hội đồng Quản trị đã hoàn thành tốt các chức năng nhiệm vụ được giao phó, tạo điều kiện thuận lợi giúp Ban Giám đốc điều hành hoạt động của đơn vị thực hiện các chỉ tiêu do Đại Hội đồng Cổ đông đề ra.

Hoạt động của thành viên độc lập không điều hành: Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không điều hành thực hiện theo đúng nhiệm vụ, quyền hạn và chức năng của mình, và theo sự phân công trong Hội đồng Quản trị.

**Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị:** không có





## Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Huỳnh Văn Tân	Chủ tịch HĐQT	05/05	100%
2	Ông Đặng Thanh Bình	Phó Chủ tịch HĐQT	05/05	100%
3	Ông Hồ Nghĩa Tín	Thành viên HĐQT	05/05	100%
4	Bà Phan Thị Thảo Sương	Thành viên HĐQT	05/05	100%
5	Ông Nguyễn Hữu Toàn	Thành viên HĐQT	03/03	100%
6	Phan Xuân Thiện	Thành viên HĐQT mới	02/02	100%



## Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát, chỉ đạo Ban Tổng giám đốc và trưởng các phòng ban về những mặt hoạt động sau:

Kiểm tra thường xuyên việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Quy chế quản trị Công ty, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành khác.

Thường xuyên đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh các nghị quyết, quyết định, từ đó đưa ra định hướng phát triển để chỉ đạo kịp thời hoạt động của Ban Tổng giám đốc;

Hiện có 3 thành viên Hội đồng quản trị là thành viên trong Ban Tổng Giám đốc là Ông Huỳnh Văn Tân, Bà Phan Thị Thảo Sương và Ông Hồ Nghĩa Tín nên việc trao đổi thông tin, báo cáo cho các thành viên khác không trực tiếp điều hành được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Công tác giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc giúp hoạt động của Công ty theo đúng định hướng, đảm bảo quyền lợi cổ đông.

Kết quả giám sát cho thấy Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị, tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ công ty.

## Các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	130/2013/NQHĐQT	30/06/2013	Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013





## Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thép Dana - Ý báo cáo Đại hội đồng cổ đông những hoạt động của Ban trong năm 2013 như sau:

Trong năm qua, Ban kiểm soát đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty:

- Giám sát việc tuân thủ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2013; Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh; Giám sát việc tuân thủ Điều lệ Công ty, Pháp luật Nhà nước và Các Quy chế nội bộ Công ty;
- Hàng quý tiến hành giám sát, kiểm tra trên cơ sở báo cáo thực hiện công tác đầu tư, sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Xem xét tính khả thi của các Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong kiểm soát, quản lý trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty, phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.
- Tham gia tổ chức kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm đảm bảo công tác này được thực hiện nghiêm túc, chính xác và đúng thủ tục theo Luật;

Xem xét tình hình thực hiện các dự án đầu tư năm 2013;

Thực hiện thẩm định tình hình thực hiện kế hoạch SXKD và báo cáo tài chính từng quý, năm 2013;

Chủ động làm việc giám sát, kiểm tra các báo cáo tài chính hàng tháng, quý và năm để đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính. Trong khi đó, xem xét các báo cáo của Kiểm toán độc lập trong giải đoạn 6 tháng đầu năm và năm 2013 đã được Công ty TNHH DELOITTE Việt Nam kiểm toán, xem xét ảnh hưởng của kiểm toán trọng yếu và các sai sót kế toán đến báo cáo tài chính; giám sát việc thực thi những kiến nghị của Kiểm toán độc lập của Ban lãnh đạo;

Trong năm đã có 05 phiên họp được Ban kiểm soát tổ chức để phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên ở từng lĩnh vực phù hợp với trình độ chuyên môn của mình và tiến hành kiểm tra các hoạt động của Công ty theo đúng quy định đã được cụ thể hóa tại Quy chế quản trị công ty, từ đó phát huy hết trách nhiệm và khả năng của các thành viên Ban kiểm soát và thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ được giao.



## Đánh giá của Ban Kiểm soát với HĐQT và thành viên BGD

### Đánh giá của Ban Kiểm soát với HĐQT

Theo đánh giá của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị đã hoàn thành nhiệm vụ, chức năng theo các Nghị quyết của HĐQT Công ty.

Hàng quý và hàng tháng, HĐQT tổ chức các cuộc họp nhằm trao đổi tình hình Công ty.

HĐQT đã hoạch định kế hoạch, chiến lược kinh doanh năm của Công ty; thống nhất về phương án đầu tư dây chuyền sản xuất thép công nghệ cao, thiết lập giải pháp phát triển thị trường.

Trong năm, HĐQT đã giám sát, chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng Giám đốc trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh,

HĐQT, trên cơ sở đó thực hiện kế hoạch SXKD năm 2013 được Đại hội đồng cổ đông giao phó, đã hoạch định chiến lược, kế hoạch kinh doanh năm của công ty; quyết định phương án đầu tư dây chuyền sản xuất thép công nghệ cao, xây dựng giải pháp phát triển thị trường.

Nhìn chung, HĐQT đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao phó trong năm 2013.

### Đánh giá của Ban Kiểm soát với BGD:

Năm 2013, Ban Giám đốc Công ty đã hoàn thành đúng nghị quyết của Hội đồng quản trị mà đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua về lên kế hoạch đầu tư và kinh doanh của Công ty

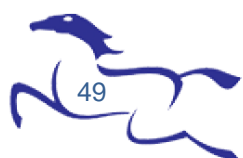
Ban Giám đốc Công ty đã liên tục cải thiện chất lượng đội ngũ công nhân viên và cán bộ quản lý của Công ty, chắc chắn hệ thống quản trị được cập nhật và hiệu quả trong hoạt động.

Ban Giám đốc đã thành công khi phối hợp với phòng kinh doanh để hình thành và phát triển các kênh bán hàng cho Công ty mang lại hiệu quả cao.

Nhìn chung, Ban Giám đốc đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao phó trong năm 2013.

## Giao dịch thù lao và lợi ích HĐQT, BGD và BKS

STT	Họ và tên	Lương và thù lao năm 2013
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>	
1	Ông Huỳnh Văn Tân	130.000.000
2	Ông Hồ Nghĩa Tín	39.000.000
3	Bà Phan Thị Thảo Sương	39.000.000
4	Ông Đặng Thanh Bình	39.000.000
5	Ông Nguyễn Hữu Toàn	18.000.000
6	Ông Phan Xuân Thiện	21.000.000
<b>II</b>	<b>Ban kiểm soát</b>	
1	Bà Huỳnh Thị Loan	37.500.000
2	Bà Phạm Thị Thu Sương	12.500.000
3	Ông Huỳnh Duy Cường	12.500.000
<b>III</b>	<b>Ban giám đốc</b>	
1	Ông Huỳnh Văn Tân	344.857.692
2	Ông Hồ Nghĩa Tín	275.946.154
3	Bà Phan Thị Thảo Sương	193.192.308
4	Ông Nguyễn Văn Tấn	220.776.923
5	Ông Phan Xuân Thiện	151.932.897
6	Bà Trần Mai Thị Bé Liệu	71.388.784



## Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Người thực hiện giao dịch	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
		Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	
Phan Thị Thảo Sương	Thành viên HĐQT (kiêm Phó Tổng Giám đốc)	2.450.000	12,25%	3.210.000	16,05%	Mua
Đặng Thanh Bình	Phó Chủ Tịch HĐQT	1.064.800	5,324%	564.800	2,824%	Bán



# Báo cáo tài chính

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính hợp nhất





Số: 339/2014/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 03 năm 2014

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Cổ đông

**Công ty Cổ phần Thép DANA – Ý**

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2013, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 20/03/2014 của Công ty Cổ phần Thép DANA – Ý (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 6 đến trang 31.

### Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập của mình về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu kiểm toán viên tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và Thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2013, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.



## Vấn đề khác

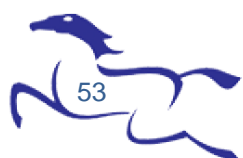
Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Tại báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính năm 2012 của kiểm toán viên tiền nhiệm đã đưa ra ý kiến ngoại trừ.

---

Nguyễn Trọng Hiếu  
**Phó Tổng Giám đốc**  
*Chứng chỉ hành nghề số*  
**0391-2013-010-1**

---

Phạm Quang Trung  
**Kiểm toán viên**  
*Chứng chỉ hành nghề số* **1334-**  
**2013-010-1**





# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.023.256.330.869</b>	<b>598.137.398.018</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>13.403.745.965</b>	<b>8.676.948.473</b>
1. Tiền	111		7.937.567.920	8.676.948.473
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.466.178.045	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>187.548.089.193</b>	<b>190.145.127.682</b>
1. Phải thu khách hàng	131		154.144.435.977	176.662.524.716
2. Trả trước cho người bán	132		33.409.839.072	13.188.827.622
3. Các khoản phải thu khác	135	6	915.892.144	1.215.853.344
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(922.078.000)	(922.078.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>819.553.671.482</b>	<b>393.223.962.847</b>
1. Hàng tồn kho	141	7	819.553.671.482	393.223.962.847
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.750.824.229</b>	<b>6.091.359.016</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	2.118.248.794	4.965.075.390
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	569.432.755
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	9	370.970.776	350.051.751
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	261.604.659	206.799.120
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.000.870.985.360</b>	<b>985.858.259.561</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>988.461.644.525</b>	<b>983.072.981.623</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	883.744.618.037	162.955.583.446
- Nguyên giá	222		1.092.971.533.414	261.810.608.799
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(209.226.915.377)	(98.855.025.353)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	67.981.059.946	68.002.583.892
- Nguyên giá	228		68.036.929.059	68.063.179.059
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(55.869.113)	(60.595.167)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	36.735.966.542	752.114.814.285
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>14</b>	<b>1.600.000.000</b>	<b>1.600.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.600.000.000	1.600.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.809.340.835</b>	<b>1.185.277.938</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	10.809.340.835	1.185.277.938
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.024.127.316.229</b>	<b>1.583.995.657.579</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.652.948.535.154</b>	<b>1.226.763.203.630</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>986.344.817.593</b>	<b>804.792.509.324</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	301.571.065.178	623.539.988.000
2. Phải trả người bán	312		666.473.392.641	168.708.904.043
3. Người mua trả tiền trước	313		3.152.776.246	125.432.227
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	5.139.870.152	944.122.870
5. Phải trả người lao động	315		3.496.207.593	2.902.208.546
6. Chi phí phải trả	316	18	589.565.268	1.453.111.607
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	4.824.449.609	5.100.023.917
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.097.490.906	2.018.718.114
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>666.603.717.561</b>	<b>421.970.694.306</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333	20	38.000.000.000	-
2. Vay và nợ dài hạn	334	21	628.603.717.561	421.970.694.306
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>371.178.781.075</b>	<b>357.232.453.949</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>371.178.781.075</b>	<b>357.232.453.949</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	22	269.995.170.000	200.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	22	20.600	37.175.100.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	22	8.395.287.553	8.395.287.553
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	22	11.494.618.637	10.984.446.120
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	22	3.099.331.084	2.589.158.567
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	22	78.194.353.201	98.088.461.709
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.024.127.316.229</b>	<b>1.583.995.657.579</b>

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

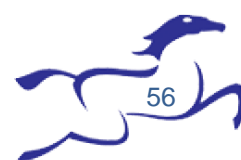
CHỈ TIÊU	31/12/2013	31/12/2012
Ngoại tệ (USD)	1.359,42	1.201,91



## BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	23	2.522.654.233.537	1.234.884.667.475
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	304.910.370	16.394.924.500
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	23	2.522.349.323.167	1.218.489.742.975
4. Giá vốn hàng bán	11	24	2.393.931.668.473	1.138.937.077.705
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng &amp; cc dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>128.417.654.694</b>	<b>79.552.665.270</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	5.329.173.960	3.922.139.337
7. Chi phí tài chính	22	26	62.612.739.679	56.013.166.041
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	52.922.260.395	51.875.719.909
8. Chi phí bán hàng	24		36.101.413.916	8.103.016.554
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		18.809.309.950	12.967.530.357
<b>10. doanh</b>	<b>30</b>		<b>16.223.365.109</b>	<b>6.391.091.655</b>
11. Thu nhập khác	31	27	4.477.742.754	6.281.990.539
12. Chi phí khác	32	28	1.320.551.195	78.817.596
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>3.157.191.559</b>	<b>6.203.172.943</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	<b>29</b>	<b>19.380.556.668</b>	<b>12.594.264.598</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	4.929.446.442	2.390.814.259
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>	<b>29</b>	<b>14.451.110.226</b>	<b>10.203.450.339</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	535	510





## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

### Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>19.380.556.668</b>	<b>12.594.264.598</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao Tài sản cố định	02	111.193.798.108	27.348.662.878
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	57.465.067	257.132.877
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(109.134.450)	(188.181.853)
- Chi phí lãi vay	06	52.922.260.395	51.875.719.709
<b>3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>183.444.945.788</b>	<b>91.887.598.209</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	22.227.538.468	(89.690.044.950)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(426.329.708.635)	115.344.651.407
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	500.828.185.291	(278.966.206.609)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(6.509.398.124)	33.578.012.522
- Tiền lãi vay đã trả	13	(54.446.343.335)	(108.889.958.467)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.708.446.896)	(6.326.305.535)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	40.277.939.636	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(3.699.166.844)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>253.085.545.349</b>	<b>(243.062.253.423)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(133.493.138.328)	(51.975.507.383)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	392.727.272	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	208.576.166	188.181.853
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(132.891.834.890)</b>	<b>(51.787.325.530)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.470.720.114.145	1.740.080.091.096
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.586.184.557.712)	(1.491.454.542.614)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.469.400)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(115.466.912.967)</b>	<b>248.625.548.482</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>4.726.797.492</b>	<b>(46.224.030.471)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	8.676.948.473	54.832.362.923
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	68.616.021
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>13.403.745.965</b>	<b>8.676.948.473</b>

**Chủ tịch HĐQT**

**Kế toán trưởng**

**Người lập biểu**

**Huỳnh Văn Tân**

**Trần Mai Thị Bé Liệu**

**Trần Mai Thị Bé Liệu**

*Đà Nẵng, ngày 20 tháng 03 năm 2014*



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

## 1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Thép DANA – Ý (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001911 ngày 27 tháng 02 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 13/03/2014 với mã số doanh nghiệp là 0400605391.

### *Ngành nghề kinh doanh chính*

- Sản xuất sắt, thép, gang: sản xuất các loại thép xây dựng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại: bán buôn sắt thép;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân đầu vào đầu: bán buôn vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất công nghiệp;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại: gia công cơ khí.

## 2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

## 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006; các quy định sửa đổi, bổ sung có liên quan và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

## 4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

### 4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Chênh lệch tỷ giá được xử lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc năm tài chính.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

### 4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### 4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### 4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc năm tài chính. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính.

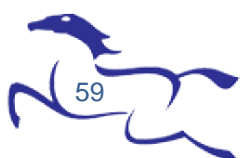
### 4.6 Tài sản cố định hữu hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### Khấu hao





# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 20
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	3 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

## 4.7 Tài sản cố định vô hình

### **Quyền sử dụng đất**

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- + Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn).
- + Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

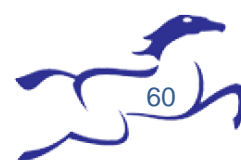
Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

### **Các tài sản cố định vô hình khác**

Các tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	5



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 4.8 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### 4.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 4.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

### 4.11 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế được trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

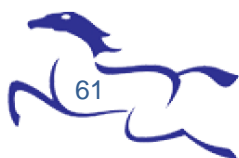
### 4.12 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm tài chính thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 4.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

### 4.14 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với sản phẩm thép, các sản phẩm khác áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.15 Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tài sản tài chính khác.

##### Nợ phải trả tài chính

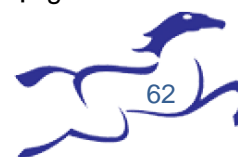
Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

### 4.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	35.236.323	169.618.777
Tiền gửi ngân hàng	7.902.331.597	8.507.329.696
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng)	5.466.178.045	-
<b>Cộng</b>	<b>13.403.745.965</b>	<b>8.676.948.473</b>

### 6. Các khoản phải thu khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải thu người lao động	866.920.810	747.879.577
Công ty CP Kết cấu thép BMF	-	173.310.279
Lãi dự thu	5.935.934	-
Các khoản phải thu khác	43.035.400	294.663.488
<b>Cộng</b>	<b>915.892.144</b>	<b>1.215.853.344</b>

### 7. Hàng tồn kho

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Hàng mua đang đi đường	45.248.081.964	155.793.440
Nguyên liệu, vật liệu	512.246.970.439	270.699.862.117
Công cụ, dụng cụ	12.138.438.574	7.402.589.084
Chi phí SX, KD dở dang	-	1.090.705.687
Thành phẩm	249.920.180.505	113.875.012.519
<b>Cộng</b>	<b>819.553.671.482</b>	<b>393.223.962.847</b>

Toàn bộ số dư của thành phẩm luyện, thành phẩm cán và nguyên liệu tại ngày 31/12/2013 được dùng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 8. Chi phí trả trước ngắn hạn

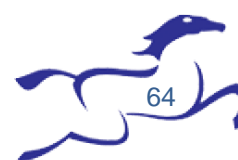
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Pano quảng cáo	304.989.222	1.039.036.061
Bảo hiểm tài sản, bảo hiểm con người	140.303.484	139.504.620
Chi phí, công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.329.221.718	1.968.544.055
Thuế nhập khẩu hàng vật liệu chịu lửa RHI	343.734.370	1.817.990.654
<b>Cộng</b>	<b>2.118.248.794</b>	<b>4.965.075.390</b>

### 9. Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế thu nhập cá nhân tạm nộp	87.348	4.762.456
Thuế GTGT hàng nhập khẩu nộp thừa	370.883.428	317.258.915
Các khoản khác	-	28.030.380
<b>Cộng</b>	<b>370.970.776</b>	<b>350.051.751</b>

### 10. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tạm ứng	261.604.659	206.799.120
<b>Cộng</b>	<b>261.604.659</b>	<b>206.799.120</b>



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

## 11. Tài sản cố định hữu hình

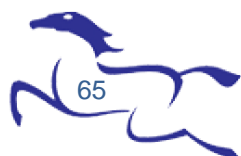
	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	79.201.343.507	166.873.735.086	13.452.434.502	2.283.095.704	261.810.608.799
Mua sắm trong năm	-	2.550.184.067	2.134.090.909	2.236.787.577	6.921.062.553
Đ/tr XDCB h/thành	140.237.439.299	588.906.094.152	96.717.651.515	-	825.861.184.966
Giảm theo TT 45	24.000.000	249.043.259	29.881.686	501.519.504	804.444.449
T/lý, nhượng bán	-	-	816.878.455	-	816.878.455
<b>Số cuối năm</b>	<b>219.414.782.806</b>	<b>758.080.970.046</b>	<b>111.457.416.785</b>	<b>4.018.363.777</b>	<b>1.092.971.533.414</b>
<b>Khấu hao</b>					
Số đầu năm	16.486.868.240	73.908.201.238	6.782.642.716	1.677.313.159	98.855.025.353
Khấu hao trong năm	9.747.854.487	89.133.004.507	11.611.513.632	687.339.036	111.179.711.662
Giảm theo TT 45	21.600.000	109.509.933	26.660.281	331.277.891	489.048.105
T/lý, nhượng bán	-	-	318.773.533	-	318.773.533
<b>Số cuối năm</b>	<b>26.213.122.727</b>	<b>162.931.695.812</b>	<b>18.048.722.534</b>	<b>2.033.374.304</b>	<b>209.226.915.377</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	62.714.475.267	92.965.533.848	6.669.791.786	605.782.545	162.955.583.446
<b>Số cuối năm</b>	<b>193.201.660.079</b>	<b>595.149.274.234</b>	<b>93.408.694.251</b>	<b>1.984.989.473</b>	<b>883.744.618.037</b>

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: 485.437.094.025 đồng.

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.752.447.923 đồng.

## 12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	67.966.074.059	97.105.000	68.063.179.059
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm theo TT 45	-	26.250.000	26.250.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>67.966.074.059</b>	<b>70.855.000</b>	<b>68.036.929.059</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu năm	-	60.595.167	60.595.167
Tăng trong kỳ	-	14.086.446	14.086.446
Giảm theo TT 45	-	18.812.500	18.812.500
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>55.869.113</b>	<b>55.869.113</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	67.966.074.059	36.509.833	68.002.583.892
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>67.966.074.059</b>	<b>14.985.887</b>	<b>67.981.059.946</b>





# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

(\*) Đây là các quyền sử dụng đất lâu dài tại Khu Công nghiệp Thanh Vinh và Cụm Công nghiệp Thanh Vinh mở rộng. Toàn bộ các quyền sử dụng đất trên đã được Công ty thế chấp đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và trung hạn tại ngân hàng.

## 13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Xây dựng Nhà máy cán 2	-	501.042.674.151
Xây dựng Nhà máy luyện 2	-	250.616.655.821
Xây dựng Nhà máy cán 3	30.954.662.673	-
Xây dựng văn phòng	3.488.551.679	-
Mua sắm tài sản cố định	1.918.349.987	-
Xây dựng cơ bản khác	374.402.203	455.484.313
<b>Cộng</b>	<b><u>36.735.966.542</u></b>	<b><u>752.114.814.285</u></b>

## 14. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2013		31/12/2012	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		1.600.000.000		1.600.000.000
+ Công ty CP Vận tải PST Đà Nẵng	160.000	1.600.000.000	160.000	1.600.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-		-
<b>Cộng</b>		<b><u>1.600.000.000</u></b>		<b><u>1.600.000.000</u></b>

Công ty đã nhận được báo cáo tài chính của đơn vị nhận đầu tư với kết quả kinh doanh có lãi, vốn chủ sở hữu bảo toàn và phát triển. Cổ phiếu này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm 31/12/2013. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đánh giá rằng giá trị ghi nhận của khoản đầu tư này là hợp lý. Do đó, giá trị của cổ phiếu đã đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

## 15. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Sửa chữa xưởng cán 1	73.684.658	250.527.840
Hộp block dự phòng thay thế cho xưởng cán 1	411.111.109	657.777.777
Bình chứa khí Oxy loại 40L-150Bar	1.357.335.000	-
Vành cán các loại thay dây chuyền cán 1	1.939.801.515	-
Bộ thay cốc rót nhanh thùng trung gian thay Phôi 2	2.002.346.715	-
Chi phí CCDC chờ phân bổ	5.025.061.838	276.972.321
<b>Cộng</b>	<b>10.809.340.835</b>	<b>1.185.277.938</b>

## 16. Vay và nợ ngắn hạn

		31/12/2013 USD	VND	31/12/2012 USD	VND	
<b>Vay ngắn hạn</b>			<b>210.964.099.586</b>		<b>553.911.256.200</b>	
- Ngân hàng NN & PTNT VN - CN Liên Chiểu			-		167.891.451.735	
- Ngân hàng NN & PTNT VN - CN Đà Nẵng	3.359.881,75	#	70.678.472.494		-	
- Ngân hàng NN & PTNT VN - CN Đà Nẵng			28.184.965.119		132.039.781.909	
- Ngân hàng Công thương VN - CN Đà Nẵng			17.179.842.532		99.921.324.333	
- Ngân hàng Công thương VN - CN Đà Nẵng	2.446.477,00	#	51.464.090.172		-	
- Ngân hàng Đầu tư & PT VN - CN Hải Vân			-		144.845.462.023	
- Ngân hàng Đầu tư & PT VN - CN Hải Vân	1.115.075,55	#	23.456.729.269		-	
- Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Đà Nẵng			20.000.000.000		9.213.236.200	
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>			<b>90.606.965.592</b>		<b>69.628.731.800</b>	
- Ngân hàng NN & PTNT VN - CN Liên Chiểu			11.599.845.592		16.800.000.000	
- Ngân hàng NN & PTNT VN - CN Liên Chiểu	320.000,00	#	6.731.520.000	383.600	#	7.989.620.800
- Ngân hàng NN & PTNT VN - CN Đà Nẵng			26.000.000.000		-	
- Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Đà Nẵng			2.875.600.000		1.437.800.000	
- Các ngân hàng đồng tài trợ			43.400.000.000		43.401.311.000	
+ Ngân hàng NN & PTNT VN - CN Đà Nẵng			12.000.000.000		12.000.000.000	
+ Ngân hàng NN & PTNT VN - CN Hải Châu			7.400.000.000		7.400.000.000	
+ Ngân hàng Công thương VN - CN Đà Nẵng			12.000.000.000		12.000.000.000	
+ Ngân hàng Xăng dầu Petrolimex - CN ĐN			6.000.000.000		6.001.311.000	
+ Ngân hàng Phát triển nhà HCM - CN ĐN			6.000.000.000		6.000.000.000	
<b>Cộng</b>			<b>301.571.065.178</b>		<b>623.539.988.000</b>	



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.027.767.752	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	53.020.016
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.112.102.400	891.102.854
<b>Cộng</b>	<b>5.139.870.152</b>	<b>944.122.870</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

### 18. Chi phí phải trả

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phí sử dụng hạ tầng KCN Thanh Vinh	-	557.243.000
Lãi dự trả	589.565.268	847.868.607
Phí dịch vụ kiểm toán	-	48.000.000
<b>Cộng</b>	<b>589.565.268</b>	<b>1.453.111.607</b>

### 19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Kinh phí công đoàn	156.889.740	277.062.709
Bảo hiểm xã hội	422.589.984	585.577.343
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	137.471.203	14.404.021
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.107.498.682	4.222.979.844
- Công ty CP Đầu tư Thành Lợi	1.194.956.347	2.460.735.948
- Ông Huỳnh Văn Tân	-	280.000.000
- Bà Phan Thị Thảo Swong	-	458.966.862
- Phải trả cổ tức	38.583.100	33.800.000
- Ông Phan Xuân Thiện	1.350.000.000	-
- Công đoàn Công ty CP Thép Dana - Ý	757.204.000	427.650.000
- Phải trả khác	766.755.235	561.827.034
<b>Cộng</b>	<b>4.824.449.609</b>	<b>5.100.023.917</b>





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

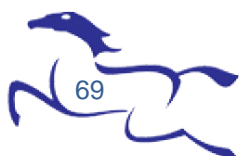
### 20. Phải trả dài hạn khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Ký quỹ thực hiện hợp đồng đại lý	38.000.000.000	-
- Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Lập Thịnh	8.000.000.000	-
- Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Xuân Tiến	30.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>38.000.000.000</b>	<b>-</b>

### 21. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2013 VND	USD	31/12/2012 VND
<b>Vay dài hạn</b>	<b>235.691.178.261</b>		<b>174.308.155.006</b>
- Công ty CP Đầu tư Thành Lợi (i)	51.825.149.414		51.825.149.414
- Ngân hàng NN & PTNT VN - CN Liên Chiểu	-		11.599.845.592
- Ngân hàng NN & PTNT VN - CN Liên Chiểu	-	320.000 #	6.664.960.000
- Ngân hàng NN & PTNT VN - CN Đà Nẵng (ii)	128.799.028.847		-
- Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Đà Nẵng (iii)	21.567.000.000		27.318.200.000
- Các ngân hàng đồng tài trợ (iv)	33.500.000.000		76.900.000.000
+ Ngân hàng NN & PTNT VN - CN Hải Châu	1.382.800.000		21.172.600.000
+ Ngân hàng NN & PTNT VN - CN Đà Nẵng	13.772.600.000		13.382.800.000
+ Ngân hàng Công thương VN - CN Đà Nẵng	9.172.600.000		21.172.600.000
+ Ngân hàng Xăng dầu Petrolimex - CN ĐN	4.586.000.000		10.586.000.000
+ Ngân hàng Phát triển nhà HCM - CN ĐN	4.586.000.000		10.586.000.000
<b>Nợ dài hạn (v)</b>	<b>392.912.539.300</b>		<b>247.662.539.300</b>
- Ông Huỳnh Văn Tân	158.660.403.000		68.651.000.000
- Bà Phan Thị Thảo Sương	172.344.932.042		120.094.932.042
- Ông Hồ Nghĩa Tín	24.107.204.258		24.107.204.258
- Ông Phan Xuân Thiện	37.800.000.000		-
- Ông Nguyễn Hữu Toàn	-		34.809.403.000
<b>Cộng</b>	<b>628.603.717.561</b>		<b>421.970.694.306</b>

- (i) Vay Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi - cổ đông sáng lập của Công ty trong thời gian 36 tháng kể từ ngày 04 tháng 04 năm 2011. Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi đã có văn bản gia hạn thời gian trả nợ thêm 36 tháng từ ngày 02/02/2012. Lãi suất cho vay bằng lãi suất tiền gửi có kỳ hạn tại cùng thời điểm của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Đà Nẵng. Ngày 11/03/2013, hai bên thống nhất lãi suất



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

vay trong quý III, IV năm 2013 bằng lãi suất vay ngắn hạn của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Đà Nẵng tại cùng thời điểm. Lãi vay được trả vào ngày cuối cùng của tháng tính theo dư nợ thực tế đến ngày trả nợ. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

- (ii) Vay Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Thành phố Đà Nẵng theo hợp đồng tín dụng số 01/HỆTD\_DNY ngày 12/09/2013 nhằm cơ cấu lại nợ từ nguồn vốn ngắn hạn sang dài hạn để phục vụ mở rộng dự án dây chuyền luyện cán thép công suất 200.000 tấn/năm với hạn mức vay là 155 tỷ đồng. Thời hạn trả nợ gốc của khoản vay là 72 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất tại thời điểm nhận nợ là 12%/năm và được điều chỉnh theo quy định hiện hành về lãi suất cho vay của Agribank Việt Nam và Giám đốc Agribank Chi nhánh Đà Nẵng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay: nhà xưởng, máy móc thiết bị của Nhà máy luyện thép công suất 250.000 tấn/năm..
- (iii) Vay Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số DAN.DN.03.050612/TT ngày 08/06/2012 nhằm bổ sung, bù đắp thiếu hụt vốn khi đầu tư xây dựng Nhà máy luyện cán thép công suất 250.000 tấn/năm với hạn mức vay là 50 tỷ đồng. Thời hạn trả nợ gốc của khoản vay là 72 tháng (trong đó có 12 tháng ân hạn) kể từ ngày 08/06/2013. Lãi suất được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể; đồng thời khi đến kỳ điều chỉnh lãi suất theo quy định của hợp đồng này/ khế ước nhận nợ, trường hợp lãi suất trong hạn sau khi điều chỉnh thấp hơn lãi suất tối thiểu do ACB quy định trong từng thời kỳ thì lãi suất trong hạn được áp dụng là lãi suất tối thiểu tại thời điểm điều chỉnh. Khoản vay được đảm bảo bằng các lô đất số B15, B16, B17, B18 tại Khu công nghiệp Thanh Vinh và một số máy móc thiết bị theo hợp đồng số DAN.BDDN.03.050612/TT.
- (iv) Khoản vay từ các Ngân hàng đồng tài trợ: Ngày 17/08/2010 các Ngân hàng đồng tài trợ (bao gồm Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hải Châu, Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Đà Nẵng, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Đà Nẵng, Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Thành phố Đà Nẵng, Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Thành phố Đà Nẵng; trong đó Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Đà Nẵng là ngân hàng đầu mối) cùng ký kết hợp đồng tài trợ số 01/2010/NHTM-HỆTD để tài trợ vốn cho dự án đầu tư xây dựng Nhà máy luyện cán thép công suất 250.000 tấn/năm giai đoạn 2 với Công ty Cổ phần thép DANA-Ý với số tiền là 145 tỷ đồng. Thời hạn trả nợ gốc của khoản vay là 60 tháng (trong đó có 12 tháng ân hạn) kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên (ngày 16/9/2010). Lãi suất của khoản vay được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau (bình quân của các bên đồng tài trợ) + 4,5%/năm, nhưng không vượt quá lãi suất cho vay tối đa từng thời kỳ theo chỉ đạo của ngân hàng nhà nước Việt Nam (nếu có) hoặc chỉ đạo của hội sở chính các bên tham gia đồng tài trợ. Lãi suất được điều chỉnh mỗi năm 4 lần vào ngày 01/01; 01/04; 01/07; 01/12 hàng năm. Lãi được thanh toán vào ngày cuối cùng hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay: nhà xưởng, máy móc thiết bị của Nhà máy luyện thép công suất 250.000 tấn/năm.
- (v) Khoản vay dài hạn từ ông Huỳnh Văn Tân, bà Phan Thị Thảo Sương, ông Hồ Nghĩa Tín và ông Phan Xuân Thiện nhằm huy động vốn bổ sung cho dự án đầu tư xây dựng Nhà máy luyện cán thép công suất 250.000 tấn/năm theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 71/2011/BB-HĐQT ngày 10 tháng 8 năm 2011; Biên bản số 98/2012/BB-HĐQT ngày 02 tháng 02 năm 2012; Biên bản số 80/2012/BB-HĐQT ngày 10 tháng 4 năm 2012; Biên bản số 100/2012/BB-HĐQT ngày 15 tháng 8 năm 2012 và Biên bản số 05/2013/BB-HĐQT ngày 11 tháng 3 năm 2013. Theo nội dung thống nhất giữa các thành viên trong Hội đồng quản trị tại các biên bản trên, để giảm áp lực về lãi vay trong giai đoạn đầu tư cho Dự án, ông Huỳnh Văn Tân và bà Phan Thị Thảo Sương đồng ý chuyển một phần dư nợ của Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi sang nợ dài hạn của ông Tân và bà Sương với thời hạn nợ là 24 tháng; đồng thời các thành viên thống nhất cho vay thêm mỗi thành viên 20 tỷ đồng để bổ sung cho



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

dự án; thống nhất gia hạn thời hạn không tính lãi đối với số dư nợ vay này đến hết 31/12/2013. Công ty có thể luân chuyển trả nợ cho khoản vay này khi có nguồn thu và vay lại khi có nhu cầu để giảm bớt áp lực lãi vay.

## 22. Vốn chủ sở hữu

### a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	LNST chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2012	200.000.000.000	37.175.100.000	8.395.287.553	8.395.287.553	-	95.563.328.504
Tăng trong năm	-	-	-	2.589.158.567	2.589.158.567	10.203.450.339
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	7.678.317.134
<b>Số dư tại 31/12/2012</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>37.175.100.000</b>	<b>8.395.287.553</b>	<b>10.984.446.120</b>	<b>2.589.158.567</b>	<b>98.088.461.709</b>
Số dư tại 01/01/2013	200.000.000.000	37.175.100.000	8.395.287.553	10.984.446.120	2.589.158.567	98.088.461.709
Tăng trong năm	69.995.170.000	-	-	510.172.517	510.172.517	14.451.110.226
Giảm trong năm	-	37.175.079.400	-	-	-	34.345.218.734
<b>Số dư tại 31/12/2013</b>	<b>269.995.170.000</b>	<b>20.600</b>	<b>8.395.287.553</b>	<b>11.494.618.637</b>	<b>3.099.331.084</b>	<b>78.194.353.201</b>

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 số 130/2013/NQHĐQT ngày 30 tháng 06 năm 2013, Công ty đã phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Cụ thể:

- + Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu:
  - Nguồn chia: Thặng dư vốn cổ phần là 37.175.100.000 đồng;
  - Tỷ lệ chia cổ phiếu: 18,58755%;
- + Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2011:
  - Nguồn chia: Lợi nhuận sau thuế năm 2011 là 22.824.900.000 đồng;
  - Tỷ lệ trả cổ tức: 11,41245%;
- + Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2012:
  - Nguồn chia: Lợi nhuận sau thuế năm 2012 là 10.000.000.000 đồng;
  - Tỷ lệ trả cổ tức: 5%;

Số cổ phần tăng thêm được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân sẽ được xử lý bằng cách trả tiền mặt cho các cổ đông. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 23/12/2013, ngày chốt danh sách là 25/12/2013.

Theo đó, giá trị vốn đầu tư của chủ sở hữu tăng thêm : 69.995.170.000 đồng. Trong đó :

- Lấy nguồn từ thặng dư vốn cổ phần : 37.172.610.000 đồng
- Lấy nguồn từ lợi nhuận sau thuế : 32.822.560.000 đồng
- Cổ phiếu lẻ quy đổi thành tiền : 4.783.100 đồng





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### b. Cổ phiếu

	31/12/2013	31/12/2012
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.999.517	20.000.000
- Cổ phiếu thường	26.999.517	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

### c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	98.088.461.709	95.563.328.504
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	14.451.110.226	10.203.450.339
Phân phối lợi nhuận	34.345.218.734	7.678.317.134
- Quỹ dự phòng tài chính	510.172.517	2.589.158.567
- Quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ	510.172.517	2.589.158.567
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	500.000.000	2.500.000.000
- Trả cổ tức năm 2012 bằng cổ phiếu	10.000.000.000	-
- Trả cổ tức năm 2011 bằng cổ phiếu	22.822.560.000	-
- Xử lý cổ phiếu lẻ	2.313.700	-
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>78.194.353.201</b>	<b>98.088.461.709</b>

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2011 và năm 2012 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 số 130/2013/NQHĐQT ngày 30 tháng 06 năm 2013.

### 23. Doanh thu

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tổng doanh thu	2.522.654.233.537	1.234.884.667.475
+ Doanh thu bán hàng	2.522.654.233.537	1.234.851.322.475
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	33.345.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	304.910.370	16.394.924.500
+ Giảm giá hàng bán	-	72.000.000
+ Hàng bán bị trả lại	304.910.370	16.322.924.500
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>2.522.349.323.167</b>	<b>1.218.489.742.975</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 24. Giá vốn hàng bán

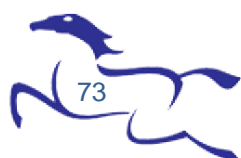
	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn hàng bán	2.393.931.668.473	1.138.937.077.705
<b>Cộng</b>	<b>2.393.931.668.473</b>	<b>1.138.937.077.705</b>

### 25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	54.512.100	76.181.853
Cổ tức, lợi nhuận được chia	160.000.000	112.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.608.593.153	1.180.583.089
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	3.498.112.272	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	7.956.435	2.553.374.395
<b>Cộng</b>	<b>5.329.173.960</b>	<b>3.922.139.337</b>

### 26. Chi phí tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí lãi vay	52.922.260.395	51.875.719.909
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	1.774.066.560	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.858.947.657	1.759.584.151
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	57.465.067	-
Chi phí tài chính khác	-	2.377.861.981
<b>Cộng</b>	<b>62.612.739.679</b>	<b>56.013.166.041</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 27. Thu nhập khác

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	3.426.038.356	5.833.125.003
Thu thanh lý tài sản cố định	392.727.272	-
Thu nhập khác	658.977.126	448.865.536
<b>Cộng</b>	<b>4.477.742.754</b>	<b>6.281.990.539</b>

### 28. Chi phí khác

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	498.104.922	-
Phạt thuế, phạt vi phạm hành chính	295.181.481	-
Năng suất giải phóng tàu	413.069.978	-
Chi phí phục vụ dự án không triển khai	73.285.714	-
Chi phí khác	40.909.100	78.817.596
<b>Cộng</b>	<b>1.320.551.195</b>	<b>78.817.596</b>

### 29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế TNDN trong năm

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	19.380.556.668	12.594.264.598
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	337.229.100	536.297.024
+ Điều chỉnh tăng	497.229.100	648.297.024
- Chi thù lao HĐQT, BKS	120.000.000	120.000.000
- Chi phí khác	377.229.100	528.297.024
+ Điều chỉnh giảm (cổ tức, lợi nhuận được chia)	160.000.000	112.000.000
Tổng thu nhập chịu thuế	19.717.785.768	13.130.561.622
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.929.446.442	3.282.640.406
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	-	891.826.147
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.929.446.442	2.390.814.259
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>14.451.110.226</b>	<b>10.203.450.339</b>





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.451.110.226	10.203.450.339
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	14.451.110.226	10.203.450.339
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	26.999.517	20.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>535</b>	<b>510</b>

### 31. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.306.956.318.799	1.402.740.803.222
Chi phí nhân công	62.020.152.659	44.526.885.732
Chi phí khấu hao tài sản cố định	111.193.798.108	24.566.501.085
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.611.441.185	33.705.037.257
Chi phí khác bằng tiền	51.792.380.188	23.692.688.802
<b>Cộng</b>	<b>2.590.574.090.939</b>	<b>1.529.231.916.098</b>

### 32. Công cụ tài chính

#### a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá, lãi suất và giá.

*Quản lý rủi ro về tỷ giá*



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Do có phát sinh các giao dịch vay nợ có gốc ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: duy trì hợp lý cơ cấu vay ngoại tệ và nội tệ, tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ như sau:

		31/12/2013	31/12/2012
<b>Tài sản tài chính</b>			
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	USD	1.359,42	1.201,91
+ Phải thu khách hàng và phải thu khác	USD	-	3.551.533,60
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			
+ Vay và nợ ngắn hạn	USD	7.241.434,30	383.600,00
+ Vay và nợ dài hạn	USD	-	320.000,00
+ Phải trả người bán	USD	24.286.664,92	3.643.826,01
+ Phải trả người bán	HKD	1.102.274,01	1.102.274,01

### Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay có lãi suất thả nổi đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Chủ tịch Hội đồng quản trị cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

### Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước, nhập khẩu để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá mua của nguyên vật liệu. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ký hợp đồng mua hàng với các nhà cung cấp lớn, uy tín, chủ động theo dõi thị trường để nắm bắt tình hình biến động, từ đó đưa ra các quyết sách để tránh bị ảnh hưởng bởi biến động giá nguyên vật liệu đầu vào.

### Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty xây dựng chính sách quản lý công nợ chặt chẽ, thường xuyên đôn đốc công tác thu hồi nợ. Đối với các khách hàng mới, Công ty yêu cầu ứng trước 70 - 100% giá trị đơn hàng mới xuất hàng. Đối với các khách hàng cũ, Công ty yêu cầu thanh toán hết



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

công nợ cũ mới được mua đơn hàng mới. Do đó, Chủ tịch Hội đồng quản trị cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

### Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
<b>31/12/2013</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Các khoản vay và nợ	301.571.065.178	628.603.717.561	930.174.782.739
Phải trả người bán	666.473.392.641	-	666.473.392.641
Chi phí phải trả	589.565.268	-	589.565.268
Phải trả khác	4.107.498.682	38.000.000.000	42.107.498.682
<b>Cộng</b>	<b><u>972.741.521.769</u></b>	<b><u>666.603.717.561</u></b>	<b><u>1.639.345.239.330</u></b>
<b>31/12/2012</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Các khoản vay và nợ	623.539.988.000	421.970.694.306	1.045.510.682.306
Phải trả người bán	168.708.904.043	-	168.708.904.043
Chi phí phải trả	1.453.111.607	-	1.453.111.607
Phải trả khác	4.222.979.844	-	4.222.979.844
<b>Cộng</b>	<b><u>797.924.983.494</u></b>	<b><u>421.970.694.306</u></b>	<b><u>1.219.895.677.800</u></b>

Chủ tịch Hội đồng quản trị cho rằng rủi ro thanh khoản của Công ty ở mức cao nhưng Công ty tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:





# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính:  
VND

<b>31/12/2013</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.403.745.965	-	13.403.745.965
Phải thu khách hàng	153.222.357.977	-	153.222.357.977
Phải thu khác	48.971.334	-	48.971.334
<b>Cộng</b>	<b>166.675.075.276</b>	<b>-</b>	<b>166.675.075.276</b>

<b>31/12/2012</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.676.948.473	-	8.676.948.473
Phải thu khách hàng	175.740.446.716	-	175.740.446.716
Phải thu khác	467.973.767	-	467.973.767
<b>Cộng</b>	<b>184.885.368.956</b>	<b>-</b>	<b>184.885.368.956</b>

### 33. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là sản xuất thép và bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

### 34. Thông tin về các bên liên quan

#### a. Các bên liên quan

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty CP Đầu tư Thành Lợi	Công ty đầu tư
Công ty CP Vận tải PST Đà Nẵng	Công ty liên kết
Công ty CP Kết cấu thép BMF	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Quảng cáo Sáng tạo Việt	Chung Công ty đầu tư
Ông Huỳnh Văn Tân	Chủ tịch HĐQT
Bà Phan Thị Thảo Sương	Thành viên HĐQT
Ông Hồ Nghĩa Tín	Thành viên HĐQT
Ông Phan Xuân Thiện	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Hữu Toàn	Nguyên thành viên HĐQT

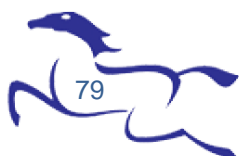


## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### b. Nghiệp vụ với các bên có liên quan

Bên liên quan	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Mua hàng</b>		
Công ty CP Đầu tư Thành Lợi	528.528.142.195	119.461.431.059
Công ty CP Vận tải PST Đà Nẵng	21.639.687.614	12.940.631.315
Công ty CP Kết cấu thép BMF	30.232.403.575	22.461.872.912
Công ty CP Quảng cáo Sáng tạo Việt	750.933.000	1.896.702.000
<b>Bán hàng</b>		
Công ty CP Đầu tư Thành Lợi	138.153.428.105	62.808.387.224
Công ty CP Kết cấu thép BMF	101.555.326.056	67.194.500.749
<b>Vay và nợ dài hạn</b>		
Công ty CP Đầu tư Thành Lợi	-	38.504.849.414
Ông Huỳnh Văn Tân	98.309.403.000	39.351.000.000
Bà Phan Thị Thảo Sương	71.200.000.000	67.263.932.042
Ông Hồ Nghĩa Tín	-	27.007.204.258
Ông Nguyễn Hữu Toàn	-	34.809.403.000
Ông Phan Xuân Thiện	39.800.000.000	-
<b>Trả gốc vay và nợ dài hạn</b>		
Công ty CP Đầu tư Thành Lợi	-	74.560.700.000
Ông Huỳnh Văn Tân	8.300.000.000	5.600.000.000
Bà Phan Thị Thảo Sương	18.950.000.000	21.977.000.000
Ông Nguyễn Hữu Toàn	34.809.403.000	-
Ông Phan Xuân Thiện	2.000.000.000	-
Ông Hồ Nghĩa Tín	-	2.900.000.000
<b>Lãi vay phát sinh</b>		
Công ty CP Đầu tư Thành Lợi	6.084.482.813	14.524.576.412
<b>Cổ tức nhận được</b>		
Công ty CP Vận tải PST Đà Nẵng	160.000.000	112.000.000
<b>Thu nhập của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>1.272.173.077</b>	<b>1.300.388.923</b>



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

## c. Số dư với các bên có liên quan

Bên liên quan	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
<b>Phải thu thương mại</b>		
Công ty CP Đầu tư Thành Lợi	7.172.000.000	31.178.269.475
Công ty CP Kết cấu thép BMF	44.872.030.310	16.751.704.254
<b>Phải thu khác</b>		
Ông Huỳnh Văn Tân	27.000.000	-
Bà Phan Thị Thảo Sương	7.000.000	-
Ông Hồ Nghĩa Tín	3.000.000	-
<b>Phải trả thương mại</b>		
Công ty CP Đầu tư Thành Lợi	155.576.349.894	27.697.522.548
Công ty CP Vận tải PST Đà Nẵng	3.528.936.603	2.368.828.355
Công ty CP Kết cấu thép BMF	10.835.155.150	5.979.811.243
Công ty CP Quảng cáo Sáng tạo Việt	40.703.800	528.270.000
<b>Phải trả khác</b>		
Công ty CP Đầu tư Thành Lợi	1.194.956.347	2.460.735.948
Ông Huỳnh Văn Tân	-	280.000.000
Bà Phan Thị Thảo Sương	-	458.966.862
Ông Phan Xuân Thiện	1.350.000.000	-
<b>Vay và nợ dài hạn</b>		
Công ty CP Đầu tư Thành Lợi	51.825.149.414	51.825.149.414
Ông Huỳnh Văn Tân	158.660.403.000	68.651.000.000
Bà Phan Thị Thảo Sương	172.344.932.042	120.094.932.042
Ông Hồ Nghĩa Tín	24.107.204.258	24.107.204.258
Ông Nguyễn Hữu Toàn	-	34.809.403.000
Ông Phan Xuân Thiện	37.800.000.000	-

## 35. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính

## 36. Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác.

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

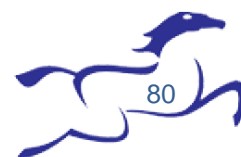
Người lập biểu

Huỳnh Văn Tân

Trần Mai Thị Bé Liệu

Trần Mai Thị Bé Liệu

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 03 năm 2014





# XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA-Y

Đà Nẵng, ngày      tháng      năm 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA-Y**

Người đại diện theo Pháp luật





**THÉP DANA-Y**

Công ty Cổ phần Thép Dana – Ý

Địa chỉ: Đường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: 0511 3 841 182 – 3 841 000

Website: [www.thepdana-y.com](http://www.thepdana-y.com)